BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

Giáo viên hướng dẫn	**:**	**ThS. Lê Thị Cẩm Giang**
Sinh viên thực hiện	**:**	**Đinh Thị Thùy Linh**
Mã số sinh viên	**:**	**2254010053**
Khóa học	**:**	**2022-2026**
Lớp	**:**	**22KH2**

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

Giáo viên hướng dẫn	**:**	**ThS. Lê Thị Cẩm Giang**
Sinh viên thực hiện	**:**	**Đinh Thị Thùy Linh**
Mã số sinh viên	**:**	**2254010053**
Khóa học	**:**	**2022-2026**
Lớp	**:**	**22KH2**

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. **Thông tin tác giả thực hiện**
   - Họ và tên sinh viên : Đinh Thị Thùy Linh
   - Chuyên ngành : Kế toán
   - Trình độ đào tạo : Đại học
   - Khóa học : 2022 - 2026
2. **Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp**

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

3. **Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp**
   - Giáo trình, tài liệu và các nghiên cứu liên quan
   - Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu
   - chuyển tiền tệ) của Công ty
   - Sổ kế toán tổng hợp và chi tiết (Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản)
   - Chứng từ kế toán: hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập - xuất kho,…
   - Các tài liệu nội bộ liên quan đến công tác kế toán tại Công ty
4. **Các bảng biểu**
   - Các bảng biểu được đính kèm trong phụ lục
5. **Cán bộ hướng dẫn**
   - ThS. Lê Thị Cẩm Giang
6. **Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp:** 02/03/2026
7. **Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận:** 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....1

1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán.....2

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....3

1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....4

1.2 Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 5

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....5

1.2.2. Kế toán giảm trừ doanh thu.....9

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....10

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 13

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính. 15

1.2.6. Kế toán chi phí tài chính. 17

1.2.7. Kế toán thu nhập khác.....19

1.2.8. Kế toán chi phí khác.....22

1.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....23

1.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 25

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM.....28

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Công Nghệ Và Dịch Vụ VIDACOM .28

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty 28

2.1.2.Lĩnh vực kinh doanh của công ty.....30

2.1.3. Phương thức bán hàng và thanh toán của Công ty.....30

2.1.4. Bộ máy quản lý của Công ty. 31

2.1.5. Bộ máy kế toán của Công ty. 32

2.1.6. Chính sách kế toán áp dụng 32

2.1.7. Hình thức ghi sổ kế toán. 33

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM.....34

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....34

2.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....45

2.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....50

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 56

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính. 66

2.2.6. Kế toán chi phí tài chính. 70

2.2.7. Kế toán thu nhập khác.....70

2.2.8. Kế toán chi phí khác.....70

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....74

2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 79

CHƯƠNG III: NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM 83

3.1. Nhận xét về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công Nghệ Và Dịch Vụ VIDACOM.....83

3.1.1. Ưu điểm.....83

3.1.2. Hạn chế.....84

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công Nghệ Và Dịch Vụ VIDACOM 84

KẾT LUẬN .....

TÀI LIỆU THAM KHẢO .....

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI .....

PHỤ LỤC .....

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....7
Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu từ bán hàng trả chậm. trả góp 7
Sơ đồ 3: Sở đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi.....8
Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý.....8
Sơ đồ 5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 9
Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan.....10
Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên 12
Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương kiểm kê định kỳ.....13
Sơ đồ 9: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....15
Sơ đồ 10: Sơ đồ chữ hạch toán tài khoản 515.....17
Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635.....19
Sơ đồ 12: Sơ đồ hạch toán tài khoản 711.....21
Sơ đồ 13: Sơ đồ hạch toán tài khoản 811.....23
Sơ đồ 14: sơ đồ hạch toán tài khoản 821 24
Sơ đồ 15: Sơ đồ hạch toán tài khoản 911.....27
Sơ đồ 16: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy.....33
Sơ đồ 17: Hình thức sổ nhật ký chung.....34
Sơ đồ 18**:** Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 36

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Hóa đơn GTGT số 11 38
Hình 2: Nhập hóa đơn trên phần mềm MISA 39
Hình 3:Trích sổ chi tiết TK 5113 40
Hình 4: Hóa đơn GTGT số 24 41
Hình 5:Nhập hoá đơn trên phần mềm Misa 42
Hình 6:Trích sổ chi tiết TK 5111 43
Hình 7:Trích sổ nhật ký chung năm 2025 44
Hình 8:Trích sổ cái TK 511 45
Hình 9: Hóa đơn GTGT số 14 47
Hình 10: Nhập giảm trừ công nợ trên phần mềm MISA 48
Hình 11: Trích sổ chi tiết TK 5113 48
Hình 12: Trích sổ nhật ký chung năm 2025 49
Hình 13: Trích sổ cái TK 511 50
Hình 14 : Chứng từ kế toán số NT00026 51
Hình 15 : Màn hình nhập liệu nghiệm thu công trình NT00026 52
Hình 16: Phiếu xuất kho 52
Hình 17: Màn hình nhập liệu phiếu xuất phần mềm Misa 53
Hình 18:Trích sổ chi tiết TK 632 54
Hình 19:Trích sổ nhật ký chung năm 2025 55
Hình 20 : Trích sổ cái TK 632 56
Hình 21: Hóa đơn GTGT số 00004062 58
Hình 22: Màn hình nhập liệu phiếu chi phần mềm Misa 59
Hình 23: Trích sổ chi tiết TK 6421 59
Hình 24: Hóa đơn GTGT số 00000527 61
Hình 25:Màn hình nhập liệu phiếu chi phần mềm Misa 62
Hình 26: Bảng thanh toán lương tháng 6 năm 2025 62
Hình 27:Màn hình nhập liệu Misa 63
Hình 28:Trích Sổ chi tiết TK 6422 64
Hình 29: Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025 65
Hình 30:Trích Sổ cái TK 642 66
Hình 31: Giấy báo có 67
Hình 32:Màn hình nhập liệu Misa 68
Hình 33:Trích Sổ chi tiết TK 515 68

Hình 34: Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025 69
Hình 35: Trích Sổ cái TK 515.....69
Hình 36: Trích từ chi tiết kết quả đóng bảo hiểm 72
Hình 37:Màn hình nhập liệu Misa 72
Hình 38:Trích Sổ chi tiết TK 811 73
Hình 39:Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025 73
Hình 40:Trích Sổ cái TK 811.....74
Hình 41: Tờ khai thuế TNDN năm 2025 76
Hình 42: Phụ lục kết quả HĐSXKD 77
Hình 43: Màn hình nhập liệu phần mềm Misa.....77
Hình 44: Trích sổ chi tiết TK 821 78
Hình 45: Trích sổ nhật ký chung năm 2025.....78
Hình 46:Trích sổ cái TK 821 79
Hình 47: Trích sổ chi tiết TK 911 80
Hình 48: Sổ nhật ký chung năm 2025.....81
Hình 49: Trích sổ cái TK 911 82
Hình 50: Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 82
Hình 51: Tờ khai thuế TNDN năm 2025 87
Hình 52: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 88

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên đầy đủ	Tên viết tắt
Thông Tư - Bộ Tài Chính	TT-BTC
Tài khoản	TK
Gía trị gia tăng	GTGT
Tài sản cố định	TSCĐ
Công cụ, dụng cụ	CCDC
Xác định kết quả kinh doanh	XĐKQKD
Thu nhập doanh nghiệp	TNDN
Lợi nhuận kế toán	LNKT
Hoạt động kinh doanh	HĐKD
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	BH Và CCDV
Nghiệp vụ	NV
Hóa đơn	HĐ
Bảo hiểm xã hội	BHXH
Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
Chi phí	CP
Thương mại cổ phần	TMCP

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và hỗ trợ từ quý thầy cô, gia đình và đơn vị thực tập.

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu cùng quý thầy cô của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập tại trường.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Lê Thị Cẩm Giang đã tận tình chỉ bảo, đóng góp ý kiến và hỗ trợ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh/chị nhân viên của Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM đã tạo điều kiện để em được thực tập, tiếp cận với môi trường làm việc thực tế và hỗ trợ cung cấp các thông tin cần thiết trong quá trình thực hiện khóa luận. Đặc biệt, em xin cảm ơn các anh/chị trong bộ phận kế toán đã nhiệt tình hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm thực tế quý báu.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô và công ty để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp đang đứng trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đặc biệt nước ta đang trong giai đoạn hội nhập và mở cửa thu hút các nước công nghiệp phát triển đầu tư hợp tác vào nước ta. Vì vậy, những công ty, doanh nghiệp và các cửa hàng trong nước muốn đứng vững trên thị trường và tồn tại lâu dài thì đòi hỏi phải có năng lực, phải có trình độ và nghiệp vụ chuyên môn. Do đó việc tổ chức và quản lý hạch toán kế toán phục vụ nhu cầu nắm bắt, thu thập và xử lý thông tin để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là yêu cầu tất yếu, giúp các đơn vị kinh tế thấy được quy mô, cách thức kinh doanh cũng như khả năng phát triển hay sự suy thoái của doanh nghiệp, đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời trong tương lai. Đứng trước tình hình đó, Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM hiểu rằng, bên cạnh việc tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thì việc tổ chức và quản lý hạch toán kế toán cũng là một yêu cầu thiết yếu, góp phần quan trọng vào việc quản lý sản xuất kinh doanh và đưa ra các quyết định kinh tế đúng đắn. Trong đó kế toán bán hàng là yếu tố quan trọng trong chiến lược quản lý và phát triển của công ty. Kế toán bán hàng giúp theo dõi và ghi lại các hoạt động bán hàng. Xuất phát từ nguyên do đó, sau một thời gian thực tập, đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM, em đã chọn nghiên cứu đề tài: "Kế toán bán hàng tại Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM"

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

(Theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Khái niệm doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14: Doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu là tổng các giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b. Khái niệm chi phí

Theo điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

c. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Theo điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định:

- Kết quả hoạt động kinh doanh là việc xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp và nó chịu ảnh hưởng của các yếu tố như quy mô, chất lượng, chiến lược trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tương ứng với 3 hoạt động trên là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ với trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng).

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán.

1.1.2.1 Phương thức bán hàng.

- *Phương thức bán hàng hóa trực tiếp:*

+ Phương thức bán hàng hóa trực tiếp là hình thức mà doanh nghiệp bán trực tiếp sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng, không thông qua trung gian. Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng trực tiếp tại kho hoặc tại địa điểm kinh doanh cho khách hàng.

+ Hàng hóa được coi là đã tiêu thụ khi khách hàng đã nhận hàng và chấp nhận thanh toán. Doanh thu bán hàng được ghi nhận ngay tại thời điểm giao hàng, giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh và giảm thiểu rủi ro trong khâu thanh toán.

- *Phương thức chuyển hàng:*

+ Phương thức chuyển hàng, doanh nghiệp chuyển sản phẩm, hàng hóa đến địa điểm của khách hàng theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, quyền sở hữu hàng hóa chỉ được chuyển giao khi khách hàng xác nhận đã nhận hàng và chấp nhận thanh toán.

+ Do đó, trong phương thức này, hàng hóa chưa được coi là tiêu thụ ngay khi xuất kho mà chỉ được ghi nhận là tiêu thụ khi đáp ứng đầy đủ điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định kế toán.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi:*

+ Bán hàng qua đại lý, ký gửi là phương thức mà doanh nghiệp giao hàng cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi để bán. Trong suốt thời gian gửi bán, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

+ Doanh thu chỉ được ghi nhận khi đại lý hoặc bên nhận ký gửi bán được hàng cho khách hàng cuối cùng và thông báo kết quả bán hàng cho doanh nghiệp. Phương thức này giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ nhưng thường phát sinh chi phí hoa hồng đại lý.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

+ Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức mà doanh nghiệp cho phép khách hàng thanh toán tiền hàng trong nhiều kỳ theo thỏa thuận. Theo đó, khách hàng nhận hàng và sử dụng ngay nhưng chưa phải thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa tại thời điểm mua.

+ Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá bán trả ngay, phần chênh lệch do trả chậm, trả góp được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính trong các kỳ tiếp theo.

1.1.2.2. Phương thức thanh toán

- *Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:*

+ Thanh toán bằng tiền mặt là phương thức mà khách hàng trực tiếp chi trả bằng tiền mặt cho doanh nghiệp khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ. Phương thức này thường được áp dụng đối với các giao dịch có giá trị nhỏ, thời gian thanh toán ngắn và không phát sinh công nợ.

+ Ưu điểm của phương thức thanh toán bằng tiền mặt là doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, hạn chế rủi ro về công nợ. Tuy nhiên, phương thức này cũng tiềm ẩn rủi ro về quản lý tiền mặt và hiện nay bị hạn chế đối với các giao dịch có giá trị lớn theo quy định của Nhà nước.

- *Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt:*

+ Thanh toán không dùng tiền mặt là hình thức thanh toán thông qua ngân hàng hoặc các tổ chức trung gian thanh toán, bao gồm các hình thức như chuyển khoản, ủy nhiệm chi, séc, thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán điện tử khác.

+ Phương thức này giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro về tiền mặt, nâng cao tính an toàn và minh bạch trong hoạt động tài chính. Đồng thời, thanh toán không dùng tiền mặt tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát dòng tiền, đối chiếu công nợ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý thanh toán trong nền kinh tế.

- *Phương thức thanh toán trả góp:*

+ Thanh toán trả góp là phương thức mà khách hàng thanh toán tiền hàng theo nhiều kỳ trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận đã ký kết. Phương thức này thường áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ có giá trị lớn.

+ Việc áp dụng hình thức thanh toán trả góp giúp doanh nghiệp mở rộng khả năng tiêu thụ, thu hút thêm khách hàng. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ, đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng để hạn chế rủi ro nợ xấu và đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Các nhà quản lí cần có những thông tin và số liệu chi tiết về tình hình doanh thu, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để đánh giá tình hình và điều chỉnh chi phí một cách hợp lý. Từ đó xác định được các sai sót trong quá trình quản lí và lưu thông hàng hóa, giúp nhà quản trị đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Do đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và bộ phận kế toán nói chung cần thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Theo dõi và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hóa bán ra về: mẫu mã, chủng loại, chất lượng, số lượng, giá trị ... và lựa chọn phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ cho công tác bán hàng như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với khách hàng bán chịu cần phải mở sổ sách ghi chép công nợ cho từng lô hàng, từng loại dịch vụ cung cấp về số tiền mà khách hàng nợ, tình trạng và thời hạn trả nợ. Bên cạnh đó, hối thúc thanh toán và thu hồi đầy đủ tiền đối với khách hàng đến hạn thanh toán.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động sản phẩm hàng hóa cũng như tình hình bán hàng để cuối kì kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, lập quyết toán kịp thời và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nhà nước.

- Định kỳ đối chiếu số liệu sổ sách và thực tế; phân loại, lưu trữ cẩn thận các loại chứng từ, sổ sách; chủ động đưa ra các đề xuất tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc tổ chức, triển khai hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Theo dõi thông tin, doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp các nhà quản trị nắm bắt được thực trạng hoạt động để đưa ra những quyết định chiến lược và phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Đối với nhà đầu tư: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính, để có các cơ sở quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính (ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức tín dụng): thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh để đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp quyết định cho vay hoặc cấp vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp: Dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình khả năng thanh toán là cơ sở để nhà cung cấp quyết định có hợp tác với doanh nghiệp không, đồng thời lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

- Đối với nhà nước: Dựa trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các

khoản thuế doanh nghiệp phải nộp, góp phần đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

1.2 Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Đặc điểm.

a. Khái niệm

Căn cứ điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính quy định: "Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không nhận biết đã thu tiền hay sẽ thu được tiền."

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là Tài khoản 511

- Tài khoản 511 – "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

+ Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

+ Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118: Doanh thu khác

- Kết cấu tài khoản 511:

Bên nợ	**Bên có**
-Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) -Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng hóa bị trả lại phát sinh trong kỳ. -Chuyển doanh thu thuần sang TK xác định kết quả kinh doanh.	- Doanh thu từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán.
TK 511 không có số dư cuối kỳ	

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu xuất kho.
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.

1.2.1.4. Phương pháp hoạch toán.

a. Doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng

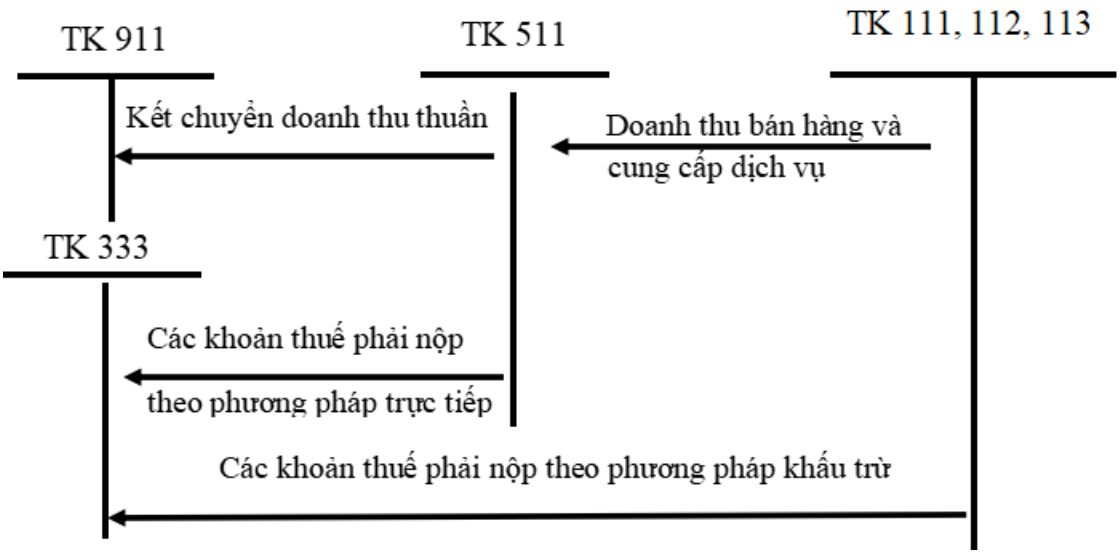

Sơ đồ 1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

b. Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

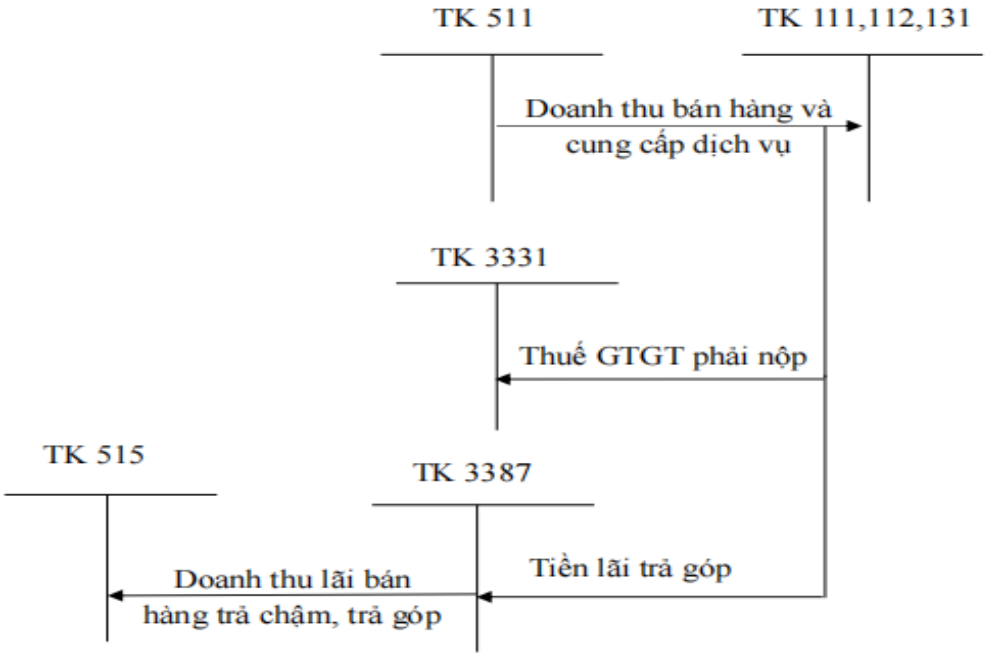

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu từ bán hàng trả chậm. trả góp

c. Bán hàng theo phương thức qua đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp giao đại lý ký gửi

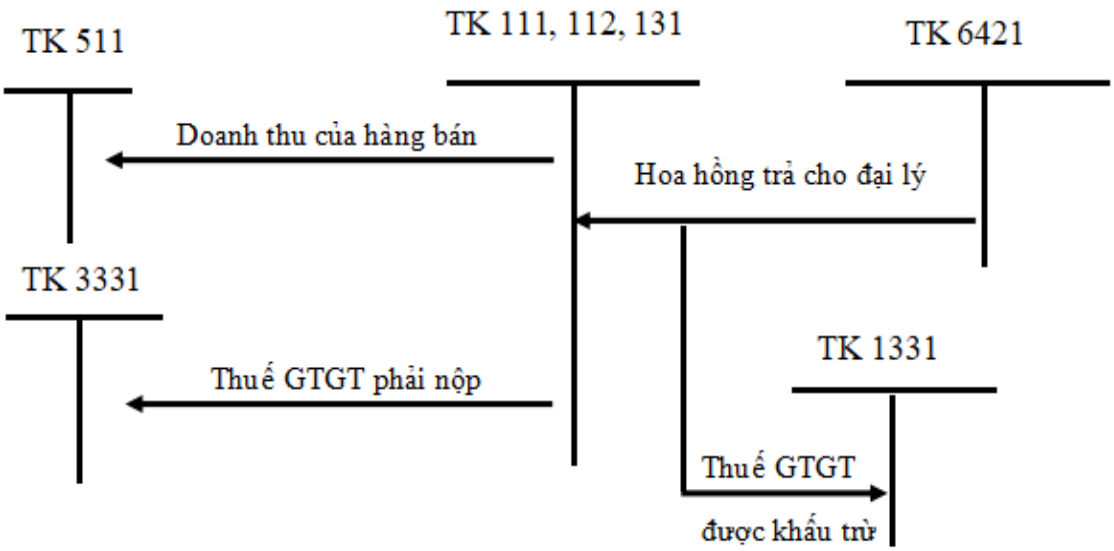

Sơ đồ 3: Sở đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp nhận làm đại lý.

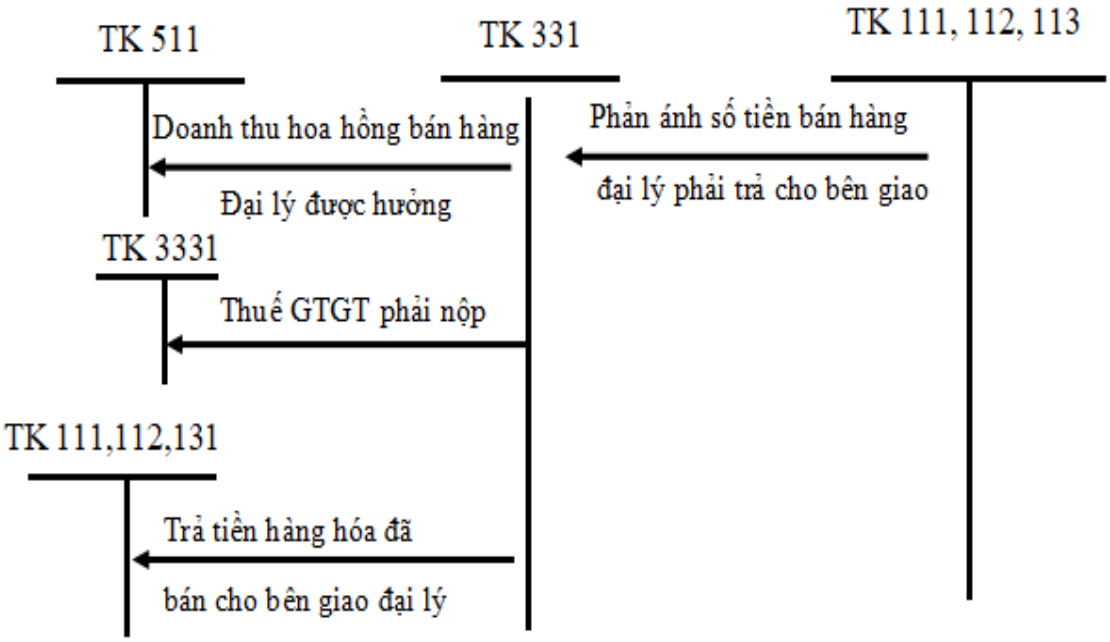

Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý

1.2.2. Kế toán giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Đặc điểm

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Theo đó, các khoản giảm trừ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* ".

1.2.2.3. chứng từ sử dụng

- Biên bản trả lại hàng bán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ ngân hàng, Phiếu chi

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

❖ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

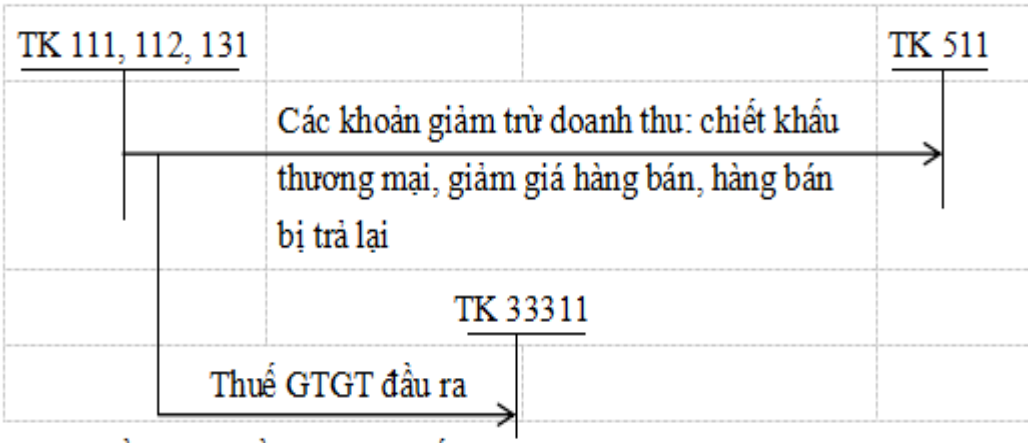

Sơ đồ 5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Kế toán các chi phí liên quan: nhận lại sản phẩm, hàng hóa**

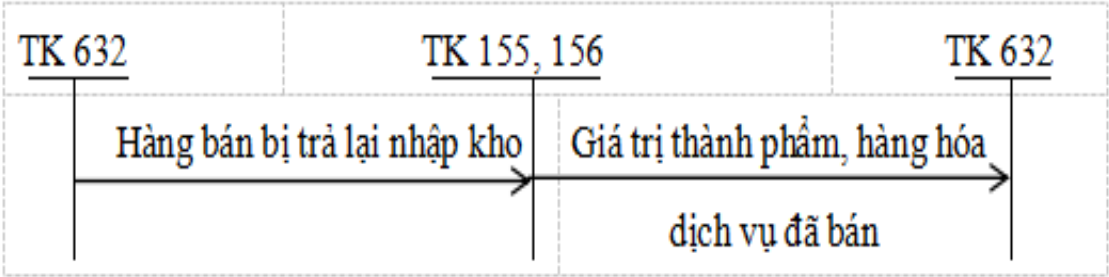

Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.3.1. Đặc điểm.

Căn cứ Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC: "Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán ra trong kỳ, cùng với các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và đầu tư bất động sản, cụ thể: Chi phí khấu hao tài sản liên quan đến bất động sản đầu tư, chi phí sửa chữa, bảo trì bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (nếu không phát sinh lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư."

1.2.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.

a. Phương pháp bình quân gia quyền

- Bình quân gia quyền : có 2 phương thức.

+ Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ; nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ; để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$$

+ Bình quân gia quyền mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập vật tư - hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập n} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho lần thứ n}}$$

b) Phương pháp đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

c) Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước xuất trước tuân thủ theo nguyên tắc hàng hóa mua trước sẽ được xuất trước để sử dụng và tính theo giá thực tế của lô hàng cũ trước.

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết. Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán giá vốn hàng bán là tài khoản 632

Tài khoản 632 - “Gía vốn hàng bán”

TK 632	
- Trị giá vốn của hàng hóa , sản phẩm xuất bán trong kỳ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 - Trị giá hàng bán bị trả lại - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

1. 2.3.5. Phương pháp hoạch toán.

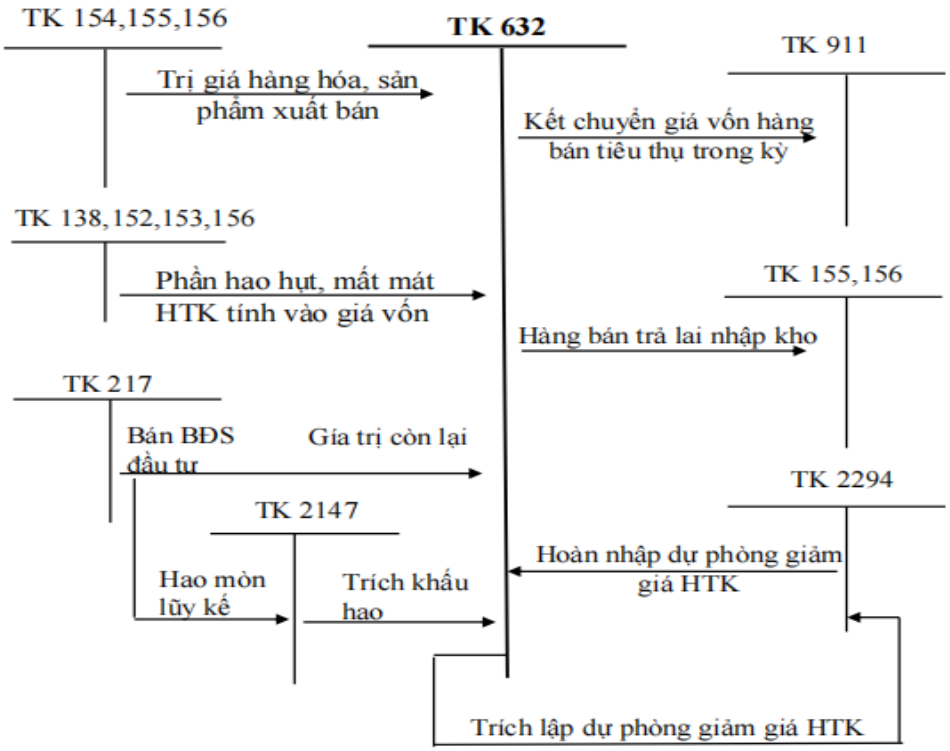

Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

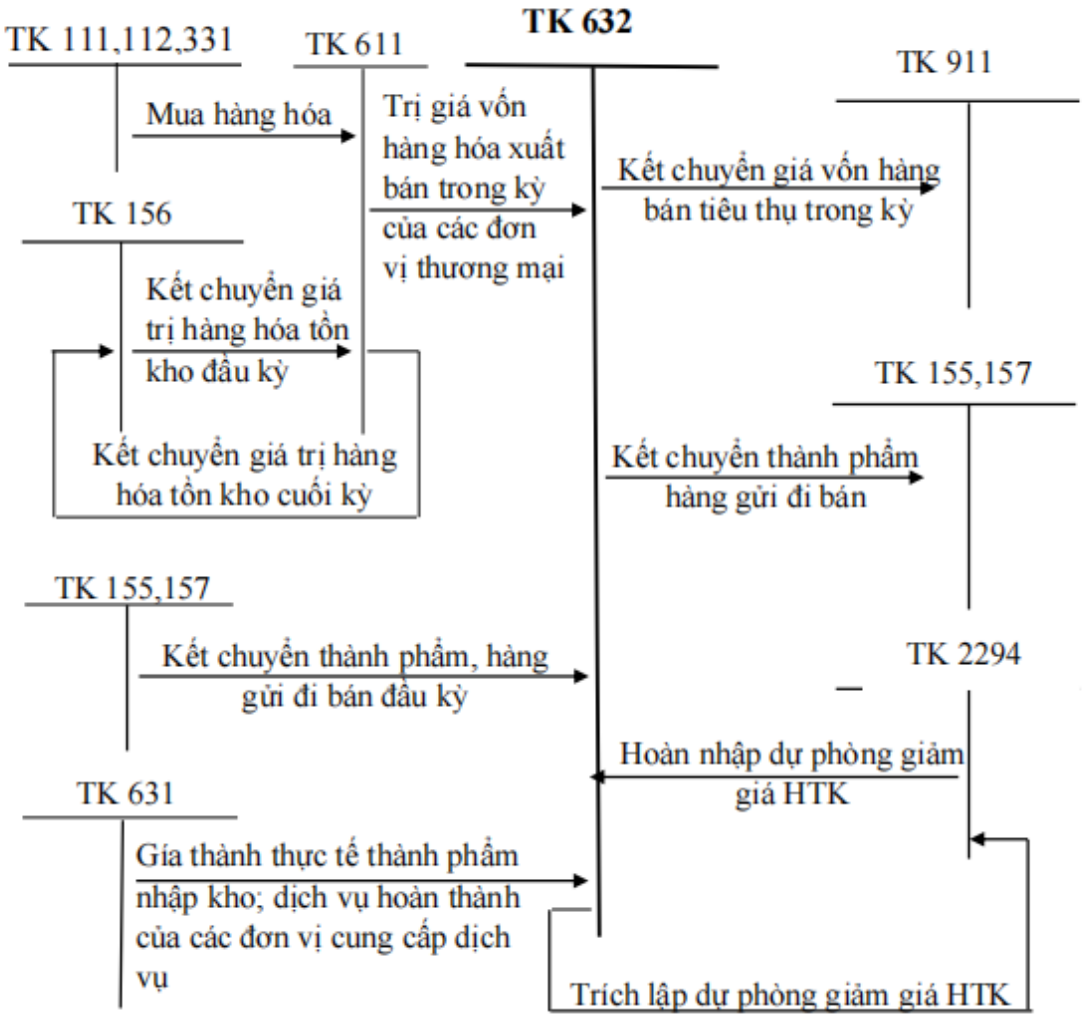

Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương kiểm kê định kỳ

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Đặc điểm

Theo quy định tại điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, chi phí chào hàng, hoa hồng bán hàng …

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các

khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài…

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 *" Chi phí quản lý kinh doanh ".*

Tài khoản 642 có 2 cấp tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 642

Nợ	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
TK 642 không có số dư cuối kỳ	

1.2.4.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng chấm công.
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, CCDC, chi phí trích trước,...
- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng.

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán

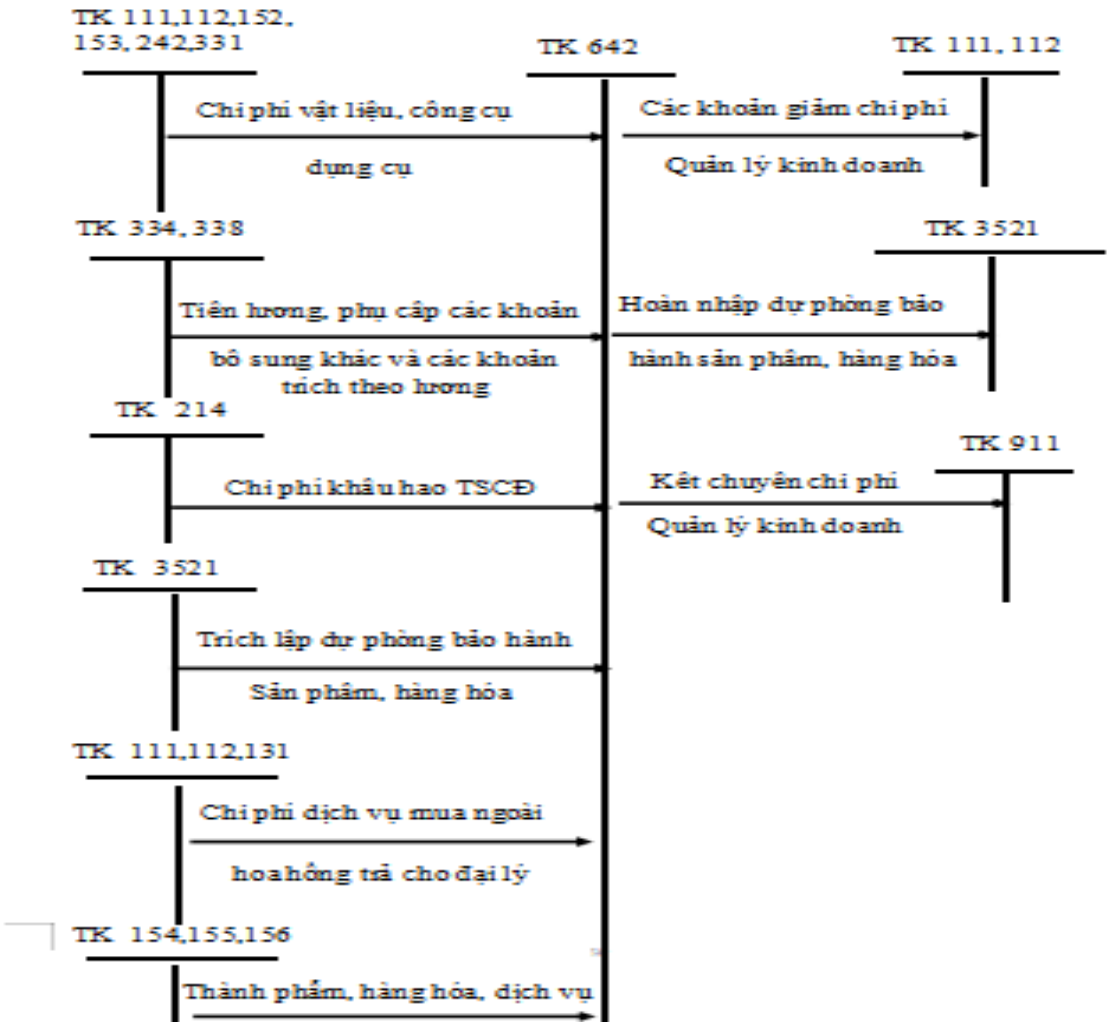

Sơ đồ 9: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.5.1. Đặc điểm

Theo điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC.

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ…
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính là Tài khoản 515.

- Tài khoản 515 – "Doanh thu hoạt động tài chính". Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác
- Kết cấu tài khoản 515

Nợ	Có
Số thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có), dựa trên doanh thu chịu thuế của doanh nghiệp. -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh (XĐKQKD) để xác định lợi nhuận trước thuế.	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
TK 515 không có số dư cuối kỳ	

1.2.5.3. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có ngân hàng.
- Phiếu thu.
- Sổ phụ ngân hàng.
- Phiếu tính lãi.

1.2.5.4. Phương pháp hoạch toán.

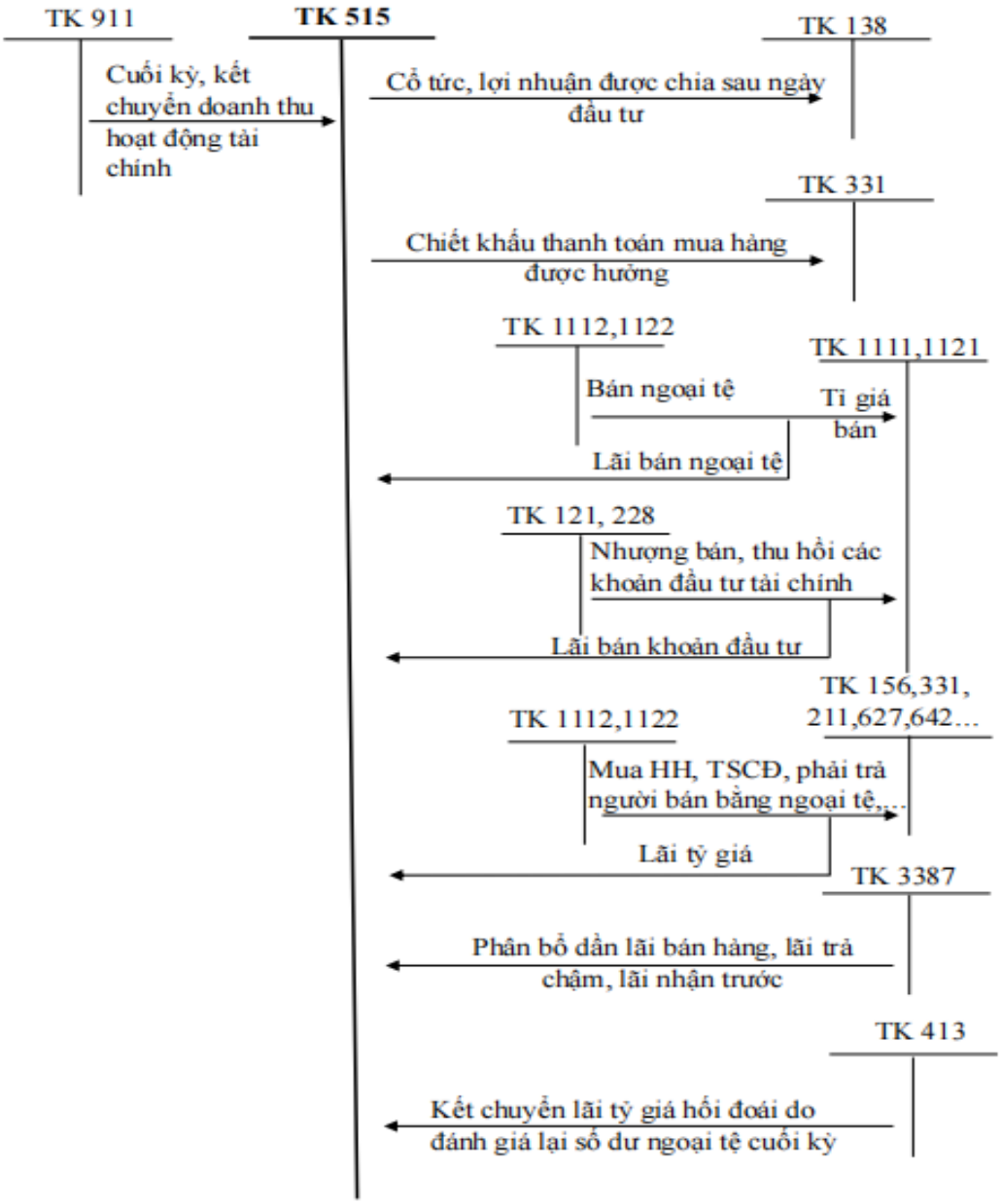

Sơ đồ 10: Sơ đồ chữ hạch toán tài khoản 515

1.2.6. Kế toán chi phí tài chính.

1.2.6.1. Đặc điểm.

Chi phí hoạt động tài chính là tất cả các chi phí có liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ bao gồm các khoản sau:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí tài chính là Tài khoản 635

- Tài khoản 635 – "Chi phí tài chính": Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí tài chính như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.
- TK này không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ
- Kết cấu tài khoản 635

TK 635

- Các khoản chi phí của hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Chi phí đất chuyển nhượng cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định tiêu thụ	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ

1.2.6.4. Phương pháp hoạch toán

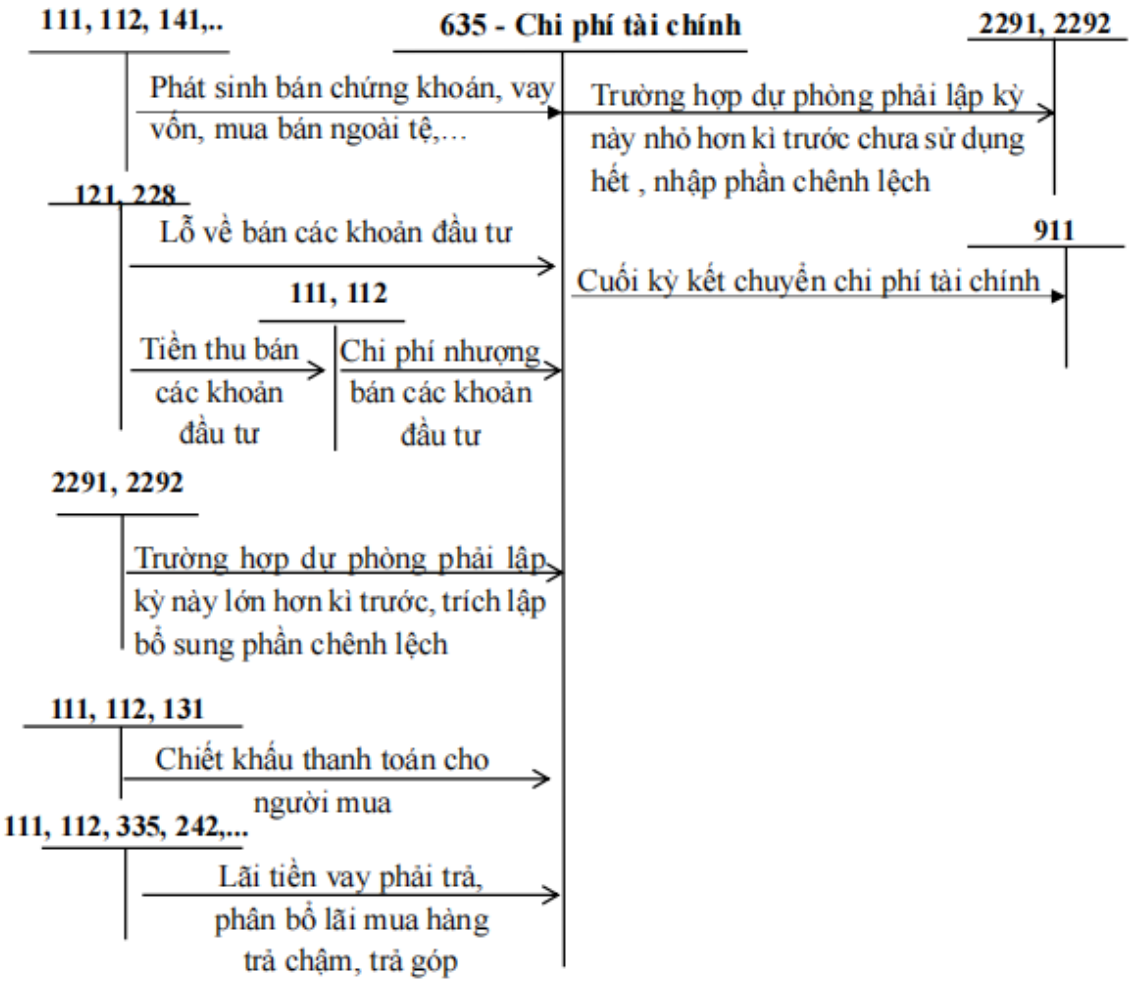

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635

1.2.7. Kế toán thu nhập khác.

1.2.7.1. Đặc điểm.

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu; bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên có thể do chủ quan của doanh nghiệp hay khách quan đưa đến.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;

- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán thu nhập khác là Tài khoản 711

- Tài khoản 711 – "Thu nhập khác": Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- TK này không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ
- Kết cấu tài khoản 711

Nợ	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ	

1.2.7.3. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ

1.2.7.4. Phương pháp hoạch toán.

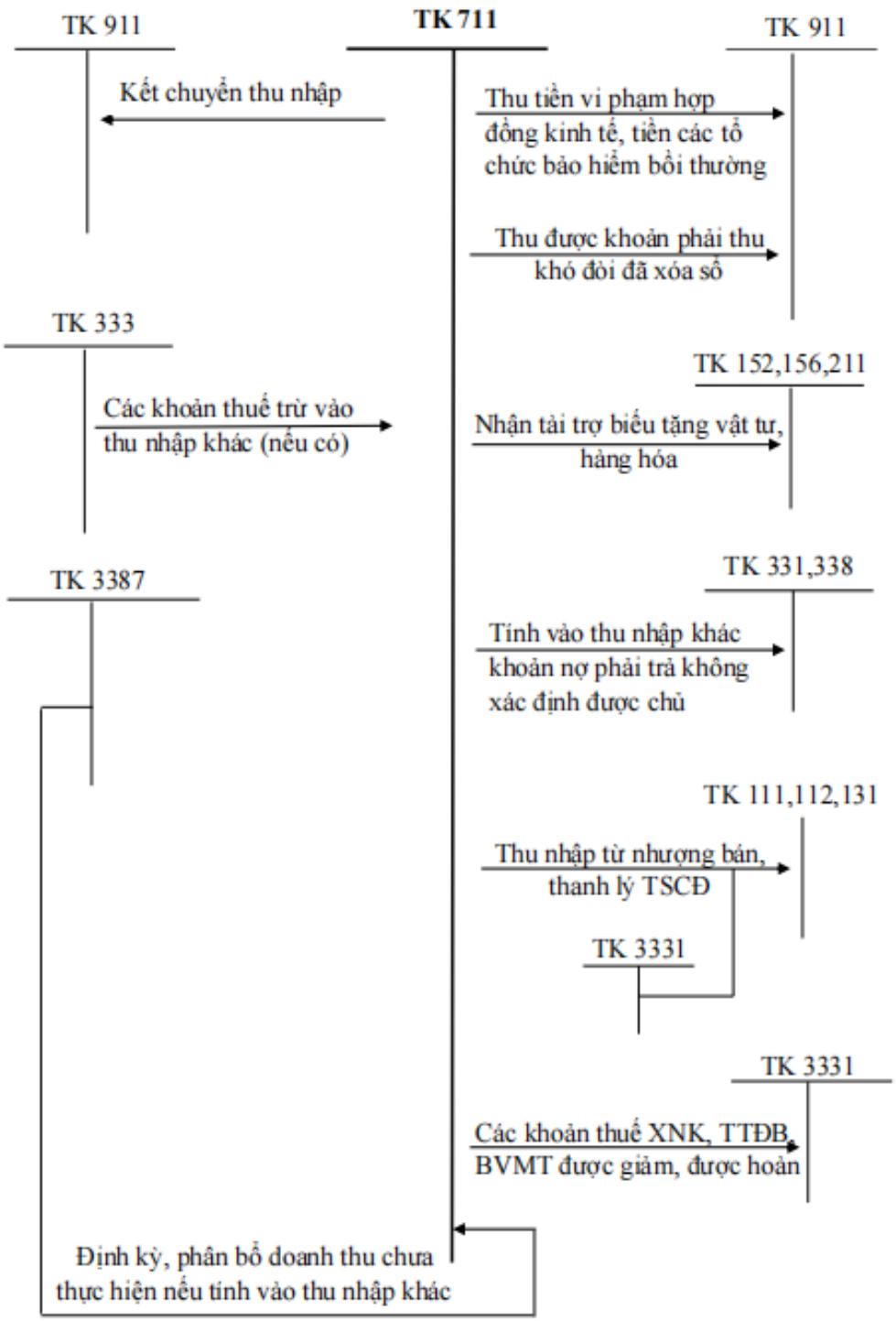

Sơ đồ 12: Sơ đồ hạch toán tài khoản 711

1.2.8. Kế toán chi phí khác.

1.2.8.1. Đặc điểm.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại củ TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản chi phí khác

1.2.8.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí khác là Tài khoản 811

- Tài khoản 811 - "Chi phí khác": Dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.
- TK này không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ.
- Kết cấu TK 811

Nợ	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
TK 811 không có số dư cuối kỳ	

1.2.8.3. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ

1.2.8.4. Phương pháp hoạch toán.

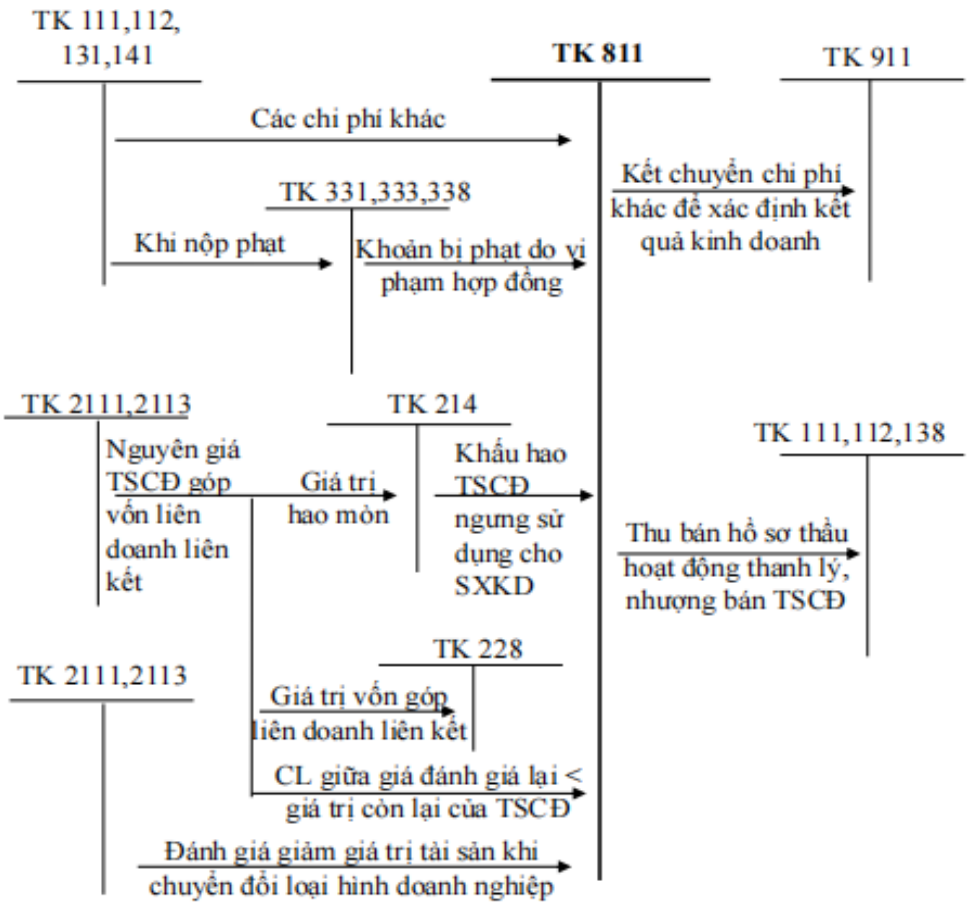

Sơ đồ 13: Sơ đồ hạch toán tài khoản 811

1.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.9.1. Đặc điểm.

Căn cứ Điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC: "Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.".

1.2.9.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là Tài khoản 811

- Tài khoản sử dụng: TK 821 – "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"
- Theo thông tư 133 thì TK 821 không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ
- Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm. -Thuế TNDN của các năm trước nếu phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu sẽ được ghi nhận tăng vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được điều chỉnh giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước, khoản chênh lệch này sẽ được ghi giảm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phát sinh trong năm và khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh, nhằm xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp trong kỳ kế toán
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ	

1.2.9.3. Chứng từ sử dụng.

- Tờ khai quyết toán thuế 03/TNDN
- Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước

1.2.9.4. Phương pháp hoạch toán.

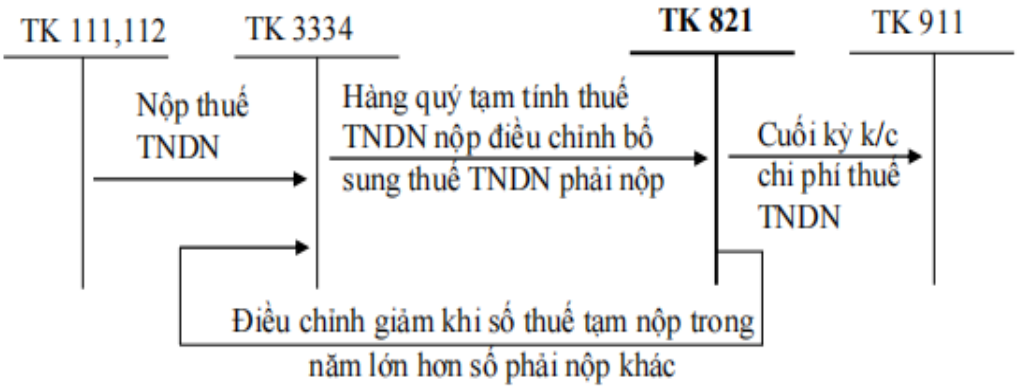

Sơ đồ 14: sơ đồ hạch toán tài khoản 821

1.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.10.1. Đặc điểm

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp
- Kết quả kinh doanh được xác định theo công thức:

Tổng LNKT sau thuế = Tổng LNKT trước thuế - Chi phí thuế TNDN

- Trong đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN được xác định theo công thức:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN = Lợi nhuận thuần HĐKD + Lợi nhuận khác

- Chi phí thuế TNDN được xác định theo công thức:

Chi phí thuế TNDN = thu nhập tính thuế x Thuế suất TNDN

- Lợi nhuận khác (kết quả hoạt động khác) được tính theo công thức:

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác x Thuế suất thuế TNDN

- Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (kết quả hoạt động kinh doanh) được xác định theo công thức:

Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần BH & CCDV	Giá vốn - hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	- Chi phí quản lý kinh doanh

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ và hàng bán

1.2.10.2. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán xác định kết quả kinh doanh là Tài khoản 911

- Tài khoản 911- "Xác định kết quả kinh doanh"
- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng

loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ , hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

- Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2
- Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ	

1.2,10.3. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính kết quả hoạt động kinh doanh
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ liên quan đến chi phí: Giá vốn, chi phí bán hàng, quản lý kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác
- Giấy báo nợ, giấy báo có ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.10.4. Phương pháp hoạch toán.

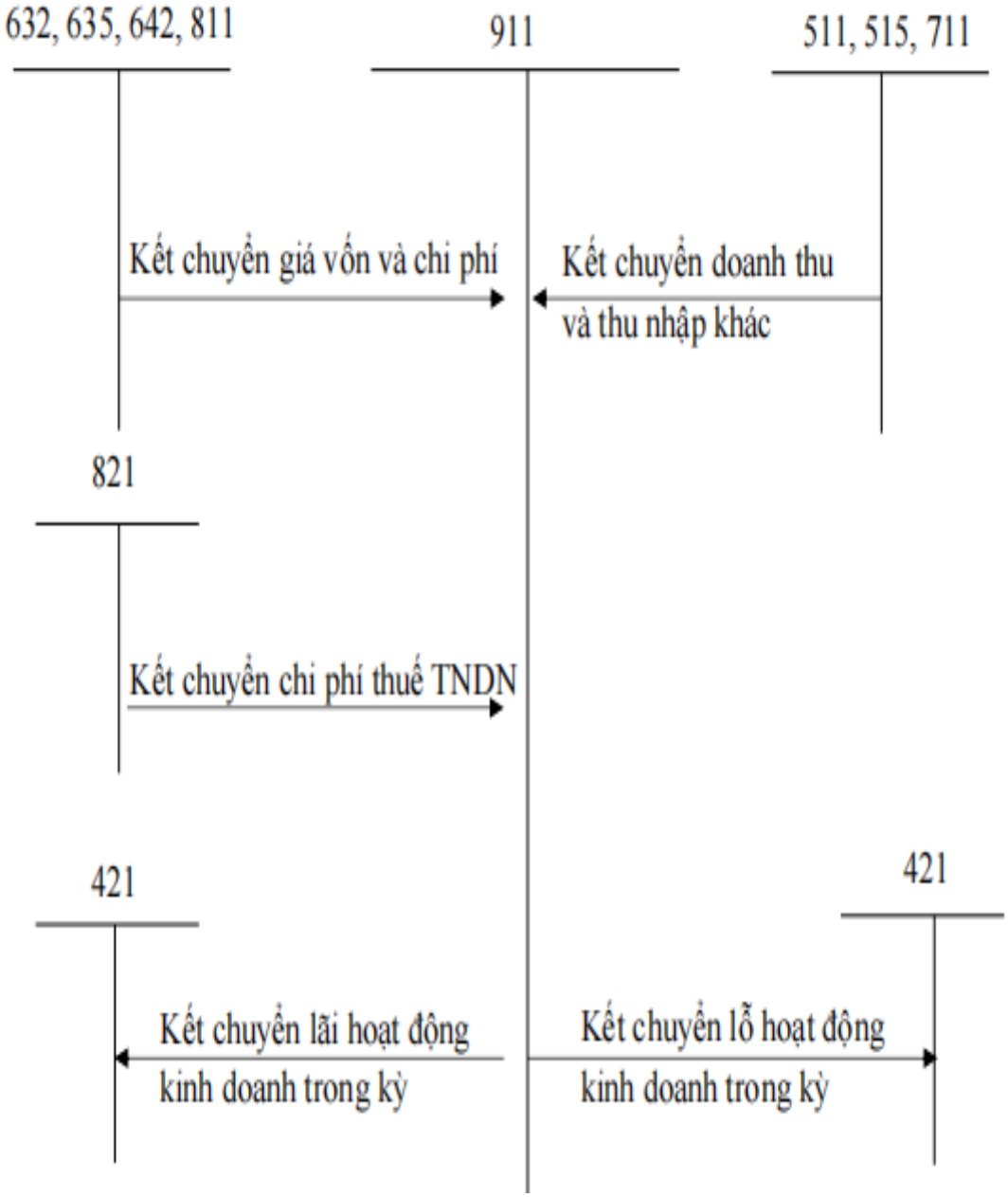

Sơ đồ 15: Sơ đồ hạch toán tài khoản 911

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Công Nghệ Và Dịch Vụ VIDACOM

+ Tên đơn vị: Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch vụ VIDACOM

+ Địa chỉ trụ sở chính: 479 Trần Hưng Đạo, phường An Hải, TP. Đà Nẵng

+ Văn phòng giao dịch: 519 Đường 29/03, phường Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng

+ Năm thành lập: 09/2017

+ Mã số thuế: 0401854866

+ Vốn điều lệ: 2.500.000.000 đồng

+ Lĩnh vực hoạt động**:** Thi công hệ thống cơ điện (MEP), điện nhẹ (ELV), mạng – camera – âm thanh – tổng đài – IPTV – Smarthome.

+ Đại diện pháp luật : Ông Ngô Thanh Bình

+ WEBSITE: vdctech.vn

Tầm nhìn: Bằng nỗ lực lao động và sáng tạo cùng áp dụng khoa học quản lý, VDC luôn mong muốn trở thành sự lựa chọn hang đầu trong lĩnh vực cung cấp và thi công hệ thống cơ điện, cung ứng sản phẩm và thi công hệ thống hạ tầng CNTT, viễn thông, an ninh, kiểm soát hàng đầu tại Việt Nam

Sứ mệnh: Chúng tôi mang đến cho khách hàng những chất lượng dịch vụ và sản phẩm tốt nhất, gópphần mang lại sự thành công, an toàn cho doanh nghiệp và cá nhân. Định hướng, đào tạo và tạo môi trường làm việc thân thiện cho nhân viên. Mang tới cho khách hàng những giải pháp và dịch vụ tối ưu nhất, giúp tiết kiệm tối đa chi phí

Giá trị cốt lõi : Con người là nền tảng của sự thành công. Do đó VDC luôn luôn chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên, nhằm đạt được những mục tiêu mới

+ Sự hài lòng của Khách hàng và hiệu quả kinh tế là mục tiêu hàng đầu.

+ Trí tuệ, sáng tạo là nền móng vững chắc của công ty

+ Sự đoàn kết và tính chuyên nghiệp là phương châm hoạt động.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM được thành lập vào tháng 09 năm 2017, hoạt động trong lĩnh vực: bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm; bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. tư vấn – cung cấp – thi công hệ thống cơ điện, hệ thống điện nhẹ và hạ tầng công nghệ thông tin. Trụ sở chính đặt tại 479 Trần Hưng Đạo, TP. Đà Nẵng, cùng văn phòng giao dịch tại 519 đường 29/3.

Ngay từ những ngày đầu hoạt động, VIDACOM đã xác định chiến lược phát triển bền vững dựa trên 3 yếu tố: năng lực kỹ thuật – chất lượng thi công – uy tín về tiến độ. Công ty nhanh chóng mở rộng quy mô nhờ đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên có tay nghề cao, từng tham gia nhiều dự án lớn tại Đà Nẵng và khu vực miền Trung.

Giai đoạn hình thành (2017 – 2018)

Trong những năm đầu hoạt động, VIDACOM chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công các hệ thống công nghệ cơ bản như hệ thống mạng LAN – WAN, hệ thống camera quan sát, hệ thống âm thanh và các dịch vụ điện nhẹ. Mặc dù quy mô còn nhỏ, nhưng công ty sớm tạo dựng được uy tín nhờ đội ngũ kỹ sư có tay nghề, phong cách làm việc trách nhiệm và đảm bảo tiến độ – chất lượng thi công.Song song với đó, công ty từng bước đầu tư vào trang thiết bị, công nghệ và xây dựng quy trình làm việc chuyên nghiệp, đặt nền móng cho việc mở rộng quy mô sau này.

Giai đoạn phát triển và khẳng định thương hiệu (2019 – 2021)

Từ năm 2019, VIDACOM bắt đầu tham gia nhiều dự án lớn hơn tại Đà Nẵng và các tỉnh lân cận, trong đó có các dự án khách sạn, nhà hàng, khu dân cư và tòa nhà văn phòng. Lĩnh vực hoạt động được mở rộng từ thi công hệ thống điện nhẹ sang:

- Thi công – cung cấp hệ thống cơ điện (M&E)
- Thi công hệ thống tổng đài – viễn thông
- Hệ thống IPTV và SmartHome
- Tư vấn – thiết kế giải pháp công nghệ cho các công trình lớn

Nhờ chất lượng dịch vụ ổn định và tính chuyên nghiệp, VIDACOM dần trở thành đối tác đáng tin cậy của nhiều chủ đầu tư trên địa bàn Đà Nẵng. Trong giai đoạn này, công ty mở văn phòng giao dịch tại 519 đường 29/3, TP. Đà Nẵng, nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, tiếp cận khách hàng và phục vụ các dự án quy mô lớn hơn.

Giai đoạn bứt phá và mở rộng quy mô (2022 – 2024)

Từ năm 2022, VIDACOM ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ cả về nhân lực và doanh thu. Công ty liên tục được lựa chọn thi công tại hàng loạt công trình tiêu biểu có quy mô lớn như:

- Resort Ahoy Hội An (Tổng thầu ELV)
- Khách sạn Cosmos Đà Nẵng
- Novaworld Hồ Tràm – The Wonderland
- Khách sạn Fivitel, Blues Hotel
- Nhiều dự án căn hộ - apartment tại Đà Nẵng

Đây là giai đoạn quan trọng giúp VIDACOM khẳng định vị thế trong lĩnh vực cơ điện – điện nhẹ. Công ty bắt đầu áp dụng mô hình quản lý chuyên sâu, tăng cường công tác đào tạo nhân viên và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quá trình thi công và giám sát dự án.

Ngoài ra, VIDACOM chú trọng xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng, trong đó sự hài lòng và uy tín được xem là giá trị cốt lõi. Công ty không chỉ thi công đúng tiến độ mà còn đảm bảo an toàn, thẩm mỹ và hiệu quả vận hành cho từng hệ thống.

Giai đoạn hoàn thiện và mở rộng thị trường (2025 – nay)

Bước sang giai đoạn 2025, VIDACOM tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định. Với tầm nhìn trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp và thi công hệ thống cơ điện – điện nhẹ – hạ tầng CNTT tại Việt Nam, công ty đang từng bước:

- Nâng cao năng lực tổng thầu
- Mở rộng mạng lưới đối tác và khách hàng
- Tăng cường ứng dụng công nghệ mới
- Hoàn thiện bộ máy quản lý – vận hành theo hướng chuyên nghiệp hóa

Sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng trong suốt thời gian qua đã góp phần quan trọng vào sự trưởng thành của VIDACOM. Công ty cam kết tiếp tục đầu tư nguồn lực, cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

2.1.2.Lĩnh vực kinh doanh của công ty

Ngành nghề kinh doanh của công ty là dịch vụ công nghệ thông tin, tư vấn & quản trị hệ thống máy vi tính.Thiết kế, cung cấp và thi công hệ thống điện nhẹ, âm thanh, mạng,camera giám sát, tổng đài, IPTV, hệ thống "nhà thông minh" (smart home). Bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm; bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê máy tính/thiết bị liên quan, các dịch vụ phần mềm — dữ liệu & công nghệ thông tin.

2.1.3. Phương thức bán hàng và thanh toán của Công ty.

a, phương thức bán hàng

- Công ty Vidacom không tổ chức cửa hàng bán lẻ và không bán hàng trực tiếp tại quầy. Hoạt động bán hàng của công ty được thực hiện theo nhu cầu của khách hàng thông qua hợp đồng và đơn đặt hàng

- Công ty sử dụng website, email, facebook, zalo như các kênh hỗ trợ bán hàng, nhằm giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, trao đổi thông tin, tư vấn và tiếp cận nhu cầu của khách hàng

- Đối tượng khách hàng: Bán cho khách hàng là doanh nghiệp, cơ quan, trường học, chủ đầu tư. Hàng hóa được xuất kho theo hợp đồng đã ký, có hóa đơn GTGT và biên bản giao nhận.

b, phương thức thanh toán

- Phương thức bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Đây là hình thức thanh toán chủ yếu trong doanh nghiệp. Phương thức này giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Phương thức thanh toán qua ngân hàng: Là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó ngân hàng thực hiện trích tiền từ tài khoản của người mua để chuyển vào tài khoản của người bán theo yêu cầu thanh toán. Sau khi công ty hoàn thành việc giao hàng và xuất hóa đơn, người mua thực hiện chuyển khoản thanh toán; ngân hàng thu phí dịch vụ theo quy định.

2.1.4. Bộ máy quản lý của Công ty.

Bộ máy tổ chức của VIDACOM được xây dựng theo mô hình tập trung – chuyên môn hóa, đảm bảo rõ ràng trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý.

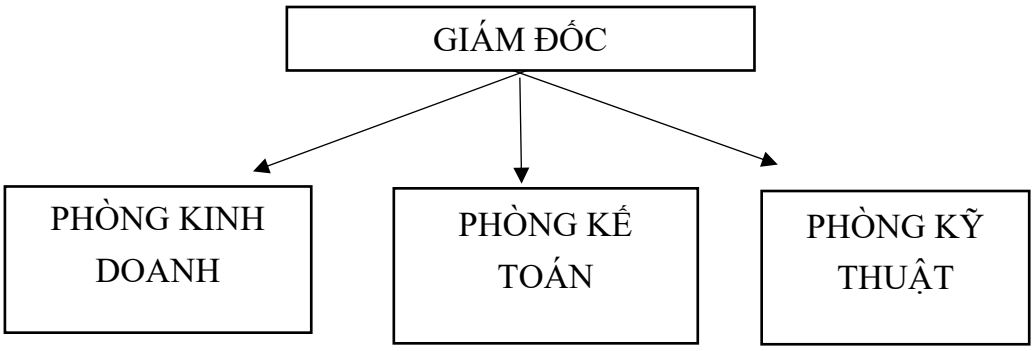

- Giám đốc: Lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động công ty.
- Phòng Kinh doanh: Tìm kiếm khách hàng, tư vấn giải pháp, ký kết hợp đồng.
- Phòng Kỹ thuật: Tổ chức lắp đặt hệ thống cơ điện – điện nhẹ.
- Phòng Kế toán: Hạch toán, báo cáo tài chính, kiểm soát chi phí.

Cơ cấu tổ chức này giúp VIDACOM đảm bảo vận hành hiệu quả, phục vụ tốt các dự án có quy mô từ nhỏ đến lớn.

2.1.5. Bộ máy kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Theo hình thức này, công ty tổ chức một phòng kế toán duy nhất làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết và tổng hợp.

Do đặc điểm quy mô doanh nghiệp thuộc loại nhỏ nên phòng kế toán chỉ bao gồm một kế toán và một thủ quỹ. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong tổ chức phòng kế toán như sau:

- Kế toán trưởng : Phòng kế toán chỉ có một kế toán, nên kế toán trưởng đảm nhiệm tất cả nhiệm vụ của kế toán công ty, cụ thể như sau:

- Lập chứng từ kế toán: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gi tăng, phiếu thu, phiếu chi, bảng tính lương và các khoản trích theo lương, bảng tính khấu hao TSCĐ, bảng kê mua hàng, …

- Thu thập chứng từ, xử lý và cung cấp thông tin dựa trên sự hỗ trợ của phần mềm kế toán MISA để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các sự kiện kinh tế khác như: thực hiện các khoản thu chi, tiền gửi ngân hàng, tính toán giá vốn hàng bán, kiểm tra và nhập kho hàng mua, xuất kho hàng bán, …

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính; các nghĩ vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.

- Thực hiện các công việc liên quan đến quyền và nghĩ vụ nộp thuế của doanh nghiệp: kê khai thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế khác hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

- Đến cuối kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán đảm bảo rằng số liệu trên là chính xác. Lập báo cáo tài chính của công ty, báo cáo thuế cuối kỳ kế toán.

2.1.6. Chính sách kế toán áp dụng

Chế độ kế toán của công ty áp dụng: Chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các BCTC được lập, trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào 31/12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ: VNĐ.
- Kỳ kế toán: Năm
- Kỳ báo cáo tài chính: Năm

- Kỳ báo cáo thuế: Quý
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho: Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ thuế
- Phương pháp tính các khoản dự phòng, trích lập và hoàn nhập dự phòng: theo chế độ, quy định quản lý tài chính hiện hành.

2.1.7. Hình thức ghi sổ kế toán.

Hình thức ghi sổ kế toán mà doanh nghiệp đang áp dụng: Công ty tiến hành ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán được xử lý trên máy tính bằng phần mềm MISA

Sơ đồ 16: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các sổ:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Sổ chi tiết

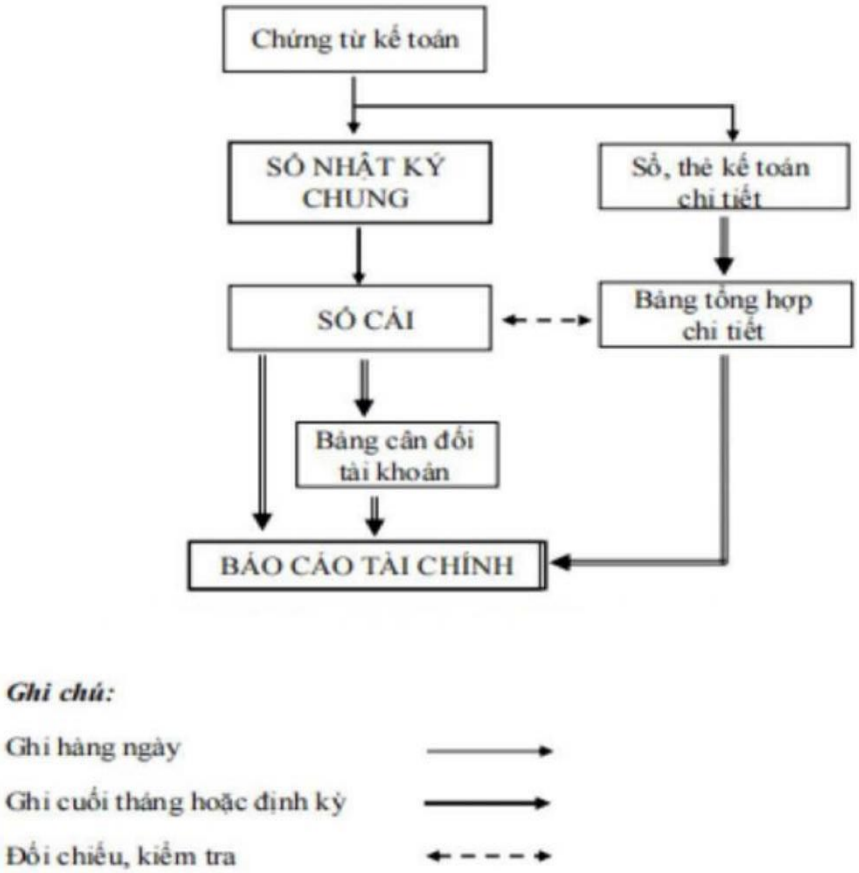

Sơ đồ 17: Hình thức sổ nhật ký chung

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.

2.2.1.2. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.

Hàng hóa kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm :

+ Bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

+ Thiết bị mạng: router, switch, modem, wifi

+ Thiết bị camera quan sát, đầu ghi hình

+ Bán các thiết bị âm, thanh như loa, ampli, micro

+ Thiết bị nhà thông minh: công tắc thông minh, điều khiển từ xa…

+ Thiết bị tổng đài, bán dây cáp, vật tư điện nhẹ…

+ Thuế suất GTGT áp dụng: 8%

Bên cạnh đó, công ty còn cung cấp dịch vụ như:

+ Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện nhẹ: Thi công hệ thống mạng, camera giám sát, âm thanh, tổng đài, CNTT… theo hợp đồng đã ký với khách hàng.

+ Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật: Cung cấp theo hợp đồng hoặc thỏa thuận sau khi công trình hoàn thành.

+ Dịch vụ trọn gói (cung cấp thiết bị + thi công): bao gồm toàn bộ các bước từ tư vấn giải pháp, cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt, cấu hình, nghiệm thu và bàn giao hoàn thiện.Áp dụng cho các hệ thống như mạng, camera giám sát, âm thanh, tổng đài, CNTT… Khách hàng nhận được giải pháp đồng bộ, thuận tiện, tiến độ và chất lượng được đảm bảo theo hợp đồng ký kết.

+ Dịch vụ không trọn gói:Vidacom chỉ làm một phần công việc theo yêu cầu khách hàng, ví dụ: chỉ lắp một camera, chỉ kéo một đoạn dây mạng.Dịch vụ này linh hoạt nhưng có thể phát sinh chi phí và khó kiểm soát tiến độ.

Hoạt động cung cấp dịch vụ của Vidacom mang tính chất kỹ thuật cao, gắn liền với việc triển khai giải pháp trọn gói cho công trình. Ví dụ như , khách hàng muốn lắp camera cho tòa nhà → Vidacom làm dịch vụ trọn gói: khảo sát → chọn camera → lắp đặt → nghiệm thu → hướng dẫn sử dụng.

Nhìn chung, hàng hóa và dịch vụ của Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM có tính chất đa dạng, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp thương mại – dịch vụ, góp phần tạo nguồn doanh thu ổn định và đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của khách hàng.

2.2.1.3. Tài khoản - chứng từ - sổ sách sử dụng.

a, Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để phản ánh doanh thu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp

+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được ghi nhận trong kỳ kế toán…

b, Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao nhận hàng hóa, biên bản nghiệm thu dịch vụ
- ủy nhiệm thu

c, Sổ sách sử dụng

+Sổ nhật kí chung
+ Sổ chi tiết TK 5111
+ Sổ chi tiết TK 5113
+ Sổ cái TK 511

2.2.1.4. Trình tự luân chuyển chứng từ của công ty.

- Quy trình xử lý chứng từ đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty như sau:

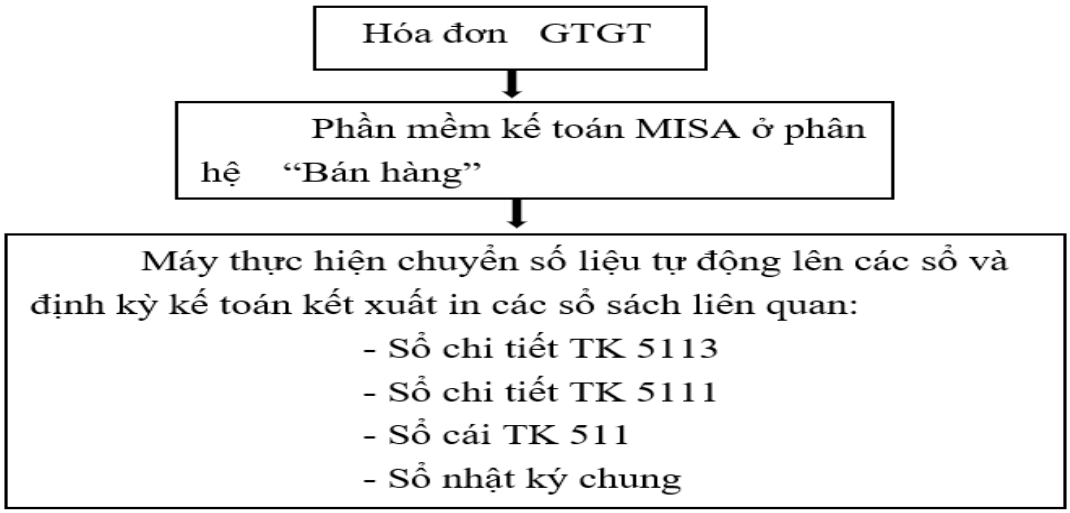

Sơ đồ 18: Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Đối với hoạt động bán hàng:**

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng hóa, bộ phận kinh doanh tiếp nhận yêu cầu và liên hệ nhà cung cấp/nhà sản xuất để hỏi giá, nhận báo giá đầu vào. Căn cứ báo giá của nhà cung cấp và nhu cầu của khách hàng, bộ phận kinh doanh lập báo giá bán hàng gửi cho khách hàng. Sau khi khách hàng đồng ý, công ty tiến hành giao hàng theo thỏa thuận.

Căn cứ vào việc bán hàng, kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng hóa trên phần mềm MISA, ghi nhận doanh thu bán hàng và công nợ phải thu của khách hàng. Đồng thời, kế toán lập phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn hàng bán. Khi khách hàng thanh toán, kế toán lập chứng từ thu tiền và theo dõi giảm công nợ theo quy định.

- **Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kèm hàng hóa:**

Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ trọn gói, Công ty VIDACOM tiếp nhận yêu cầu thông qua bộ phận kinh doanh. Nhân viên kinh doanh tiến hành trao đổi với khách hàng, sau đó phòng kinh doanh sẽ báo lại với phòng kỹ thuật để cử nhân viên kỹ thuật đi khảo sát thực tế công trình và thu thập các thông tin liên quan đến nhu cầu sử dụng, quy mô công trình cũng như các yêu cầu kỹ thuật cụ thể. Căn cứ vào kết quả khảo sát, bộ phận kinh doanh phối hợp với bộ phận kỹ thuật lập báo giá dịch vụ trọn gói, trong đó bao gồm chi phí thiết bị, chi phí thi công, chi phí nhân công và các chi phí liên quan khác. Báo giá sau đó được gửi cho khách hàng để xem xét và thống nhất.

Sau khi khách hàng đồng ý với báo giá, công ty tiến hành lập hợp đồng dịch vụ trọn gói. Hợp đồng được các bên ký kết và đóng dấu theo quy định, một bản giao cho khách hàng, một bản lưu tại bộ phận kinh doanh và một bản chuyển cho bộ phận kế toán để theo dõi. Căn cứ vào hợp đồng đã ký, kế toán mở theo dõi công nợ khách hàng trên phần mềm MISA và thực hiện ghi nhận các khoản tạm ứng hoặc thanh toán theo từng giai đoạn (nếu hợp đồng có quy định).

Tiếp theo, bộ phận kỹ thuật lập đề nghị mua vật tư, thiết bị phục vụ cho việc thi công công trình và chuyển cho bộ phận mua hàng/kế toán. Sau khi vật tư, thiết bị được mua về, kế toán căn cứ hóa đơn mua vào để lập phiếu nhập kho trên phần mềm MISA, ghi nhận số lượng và giá trị vật tư, thiết bị nhập kho. Trong quá trình triển khai thi công, căn cứ vào kế hoạch thi công và nhu cầu sử dụng, kế toán lập phiếu xuất kho để xuất vật tư, thiết bị cho đội thi công; kế toán đồng thời theo dõi và tập hợp chi phí phục vụ cho việc tính giá vốn dịch vụ.

Sau khi hoàn thành việc lắp đặt và thi công, bộ phận kỹ thuật tiến hành kiểm tra, chạy thử toàn bộ hệ thống và lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình có xác nhận của khách hàng. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu và giá trị hợp đồng, kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng cung cấp dịch vụ trọn gói trên phần mềm MISA và thực hiện hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ, đồng thời ghi nhận công nợ phải thu của khách hàng.

Khi khách hàng thực hiện thanh toán theo đúng điều khoản hợp đồng, kế toán căn cứ vào phiếu thu (đối với trường hợp thanh toán bằng tiền mặt) hoặc giấy báo Có của ngân hàng (đối với trường hợp thanh toán chuyển khoản) để lập chứng từ thu tiền trên phần mềm MISA. Kế toán hạch toán Nợ TK 111/112, Có TK 131, qua đó giảm công nợ phải thu của khách hàng. Kế toán tiến hành nhập vào máy các chứng từ đã lập trên và máy sẽ tự động xuất sổ chi tiết, sổ Cái TK 511

2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa.

Do công ty có hai hoạt động tạo doanh thu là bán hàng và cung cấp dịch vụ trọn gói, nên trong báo cáo này em trình bày hai nghiệp vụ kế toán sau:

- Nghiệp vụ 1: Dịch vụ trọn gói
- Nghiệp vụ 2: Bán hàng hóa
- **Nghiệp vụ 1 Dịch vụ trọn gói:**

Ngày 27/06/2025, Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ VIDACOM xuất hóa đơn GTGT số 11 cho Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ Triều Dương về khối lượng thanh toán đợt 2 theo Hợp đồng số 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM ngày 24/04/2024, hạng mục hệ thống điện nhẹ tại dự án Khách sạn 312 Nguyễn Duy Hiệu.Giá trị dịch vụ chưa thuế GTGT: 76.472.889 đồng, thuế GTGT 8%: 6.117.831 đồng.Tổng giá thanh toán: 82.590.720 đồng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 27 tháng *(month)* 06 năm *(year)* 2025

Ký hiệu *(Serial):* 1C25TVD
Số *(No.):* 11

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM**
Mã số thuế *(Tax code):* **0401854866**
Địa chỉ *(Address):* **479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.**
Điện thoại *(Phone number):* **0905 774 446**
Số tài khoản *(Account No.):* **0041000313187** **Tại TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*
Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TRIỀU DƯƠNG
Mã số thuế *(Tax code):* 4001239091
Địa chỉ *(Address):* Khối phố An Tây, Thị trấn Tân Bình, Huyện Hiệp Đức, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Số tài khoản** *(Account No.):*
Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Khối lượng thanh toán đợt 2- Hợp đồng số 2404/2024/ HĐTC/TD-VIDACOM ngày 24/4/2024 - Hạng mục : Hệthống điện nhẹ tại Dự án Khách sạn 312 Nguyễn Duy Hiệu				76.472.889
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	76.472.889
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	6.117.831
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	82.590.720

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Tám mươi hai triệu năm trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*
Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
Ký ngày 27/06/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search. Mã số bí mật: YW3402523MX8HL4, Mã của cơ quan thuế: 004A842371149 1 4D08AD874C5FC4E4E6F8

Hình 1: Hóa đơn GTGT số 11

Căn cứ vào HĐ số 11 , kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm MISA:

Sau khi đăng nhập phần mềm MISA, kế toán vào phân hệ Bán hàng. Tại màn hình danh sách chứng từ bán hàng, kế toán chọn Thêm → Chứng từ bán hàng để lập chứng từ mới.Trên chứng từ bán hàng, kế toán lựa chọn loại nghiệp vụ "Bán hàng hóa trong nước", đồng thời xác định hình thức thanh toán là chưa thu tiền. Kế toán tích chọn "Kiêm phiếu xuất" và tích chọn "Lập kèm hóa đơn", do nghiệp vụ phát sinh vừa ghi nhận doanh thu bán hàng vừa xuất kho hàng hóa và lập hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Kế toán nhập đầy đủ thông tin khách hàng, ngày hạch toán, ngày chứng từ và nội dung diễn giải nghiệp vụ. Tại tab Hàng tiền, kế toán khai báo dịch vụ cung cấp, lựa chọn TK 131 – Phải thu của khách hàng, TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nhập giá trị chưa thuế và thuế suất GTGT 8%; phần mềm tự động tính tiền thuế và tổng tiền thanh toán.Sau đó, kế toán chuyển sang tab Phiếu xuất để kiểm tra thông tin xuất kho hàng hóa bán cho khách hàng. Phiếu xuất kho được lập kèm theo chứng từ bán hàng nhằm ghi nhận giá vốn của hàng hóa xuất bán. Tiếp theo, kế toán chuyển sang tab Hóa đơn để khai báo đầy đủ thông tin hóa đơn giá trị gia tăng gồm: mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn, ngày hóa đơn và hình thức thanh toán. Kế toán kiểm tra lại toàn bộ thông tin để đảm bảo số liệu trên chứng từ bán hàng, phiếu xuất kho và hóa đơn thống nhất với nhau. Cuối cùng, kế toán thực hiện cất chứng từ.

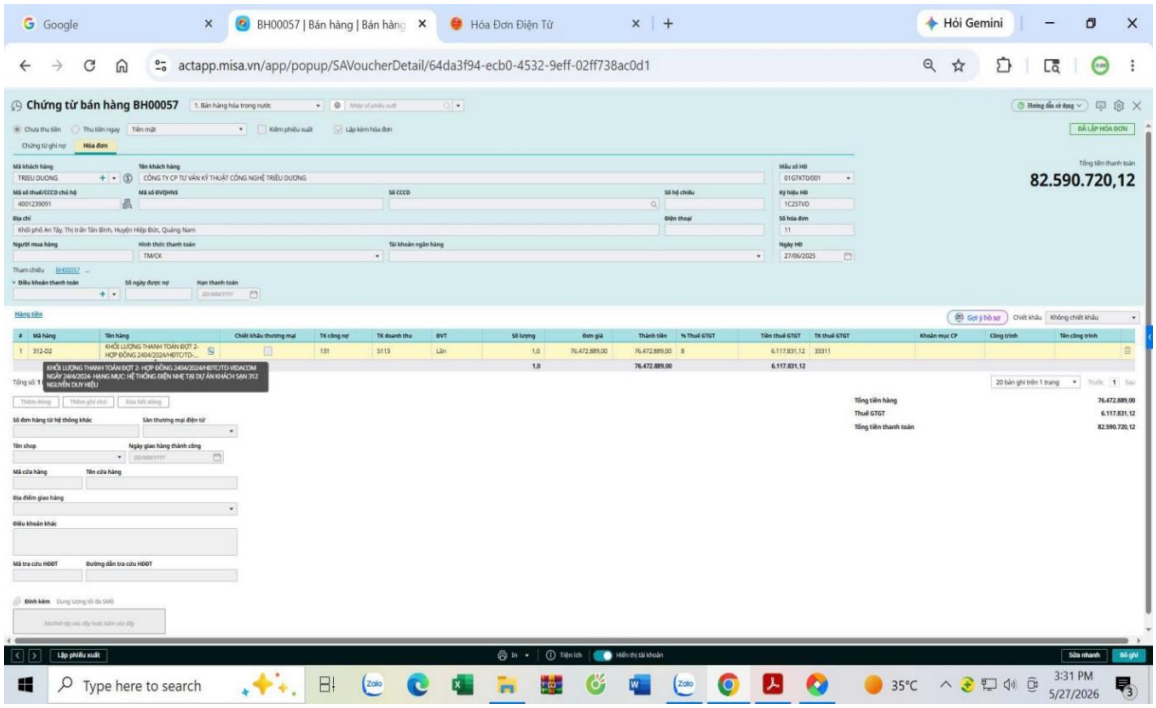

Hình 2: Nhập hóa đơn trên phần mềm MISA

Ngay tại thời điểm đó , phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin đồng thời vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5113

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 5113						
...	...	...	...	...	...	...
04/06/2025	04/06/2025	BH00056	CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ CT LẮP ĐẶT CAMERA THEO DÕI BIỂN SỐ TẠI HIỆP ĐỨC, QUẢNG NAM THEO HỢP ĐỒNG SỐ 01/HTP-VDC/HĐTC NGÀY 26/5/2025	131		25,471,200.00
27/06/2025	27/06/2025	BH00057	KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN ĐỢT 2- HỢP ĐỒNG 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM NGÀY 24/4/2024- HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ TẠI DỰ ÁN KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU	131		76,472,889.00
05/07/2025	05/07/2025	BH00062	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống điện nhẹ khu hành chính Tỉnh Kontum theo HĐ số 21102023-EVL/CT-VDC/HĐKT ký ngày 21/10/2023 và theo bảng KL thanh toán đợt 1 BỔ SUNG	131		66,549,227.00
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		**2,887,787,783.00**	**2,887,787,783.00**
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 3:Trích sổ chi tiết TK 5113

Nghiệp vụ 2 Bán hàng hóa:

Ngày 13/11/2025, công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM xuất hóa đơn GTGT số 24, ký hiệu 1C25TVD, bán hàng hóa cho Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Công Quốc Hùng. Giá chưa thuế là 77.700.000 đồng, thuế GTGT 8%: 6.216.000 đồng, tổng tiền thanh toán: 83.916.000 đồng. Khách hàng chưa thanh toán

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 13 tháng *(month)* 11 năm *(year)* 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1C25TVD**
Số *(No.):* **24**

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM**
Mã số thuế *(Tax code):* **0401854866**
Địa chỉ *(Address):* **479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.**
Điện thoại *(Phone number):* **0905 774 446**
Số tài khoản *(Account No.):* **0041000313187** **Tại TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*
Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG
Mã số thuế *(Tax code):* 0401654063
Địa chỉ *(Address):* 02 Tùng Thiện Vương, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Số tài khoản** *(Account No.):*
Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst 1300 48-port GE, Full PoE, 4x1G_C1300-48FP-4G	cái	2	38.850.000	77.700.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	77.700.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	6.216.000
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	83.916.000

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Tám mươi ba triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
Ký ngày 13/11/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://hoadon.vinvoice.viettel.vn/tra-cuu-hoa-don-search, Mã số bí mật: U1LC84E6E8R5Q89, Mã của cơ quan thuế: 00EA7B878CC F1C439089722DCA0CF4D1A4

Hình 4: Hóa đơn GTGT số 24

Căn cứ hóa đơn GTGT số 24, ký hiệu 1C25TVD, ngày 13/11/2025, kế toán Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM thực hiện nhập chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA tại phân hệ Bán hàng. Kế toán nhập đầy đủ thông tin khách hàng, hàng hóa, số lượng, đơn giá và thuế GTGT theo đúng nội dung hóa đơn, sau đó lập hóa đơn GTGT trên phần mềm. Đồng thời, kế toán thực hiện xuất kho hàng hóa để giao cho khách hàng và ghi nhận giá vốn hàng bán. Do tại thời điểm lập hóa đơn khách hàng chưa thanh toán, MISA tự động ghi nhận công nợ phải thu trên tài khoản 131 để theo dõi cho đến khi khách hàng thực hiện thanh toán

Trong trường hợp này, do khách hàng chưa thanh toán nên kế toán không lập phiếu thu. Ngay tại thời điểm kế toán cất chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA, phần mềm sẽ tự động ghi nhận và cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 131, đồng thời cập nhật vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết TK 131 để theo dõi công nợ khách hàng cho đến khi phát sinh thanh toán

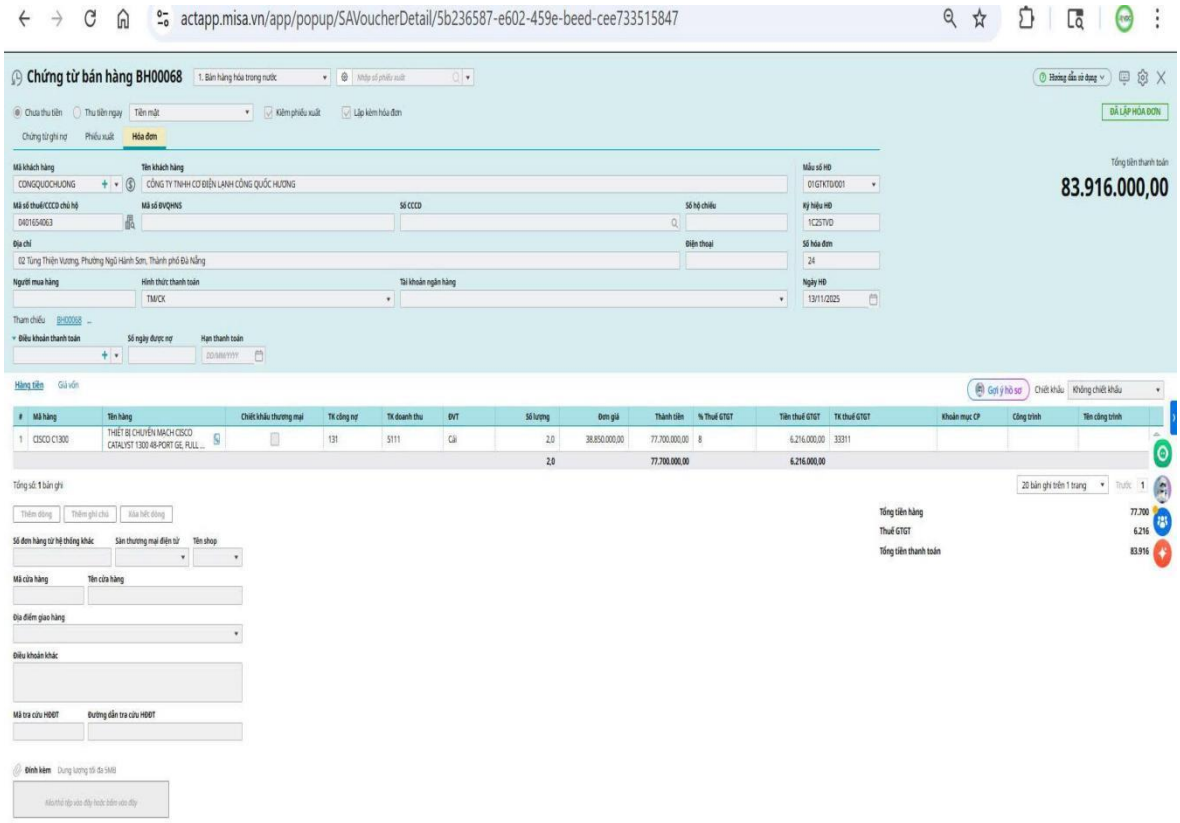

Hình 5:Nhập hoá đơn trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 5111						
...	...	...	...	...	...	...
19/06/2025	11/06/2025	BH00058	BỘ CHUYỂN ĐỔI QUANG ĐIỆN WT-8110SA-11-20	131		861,818.00
19/06/2025	11/06/2025	BH00058	MODULE SFP QUANG APS1113-40 HIỆU APTEK	131		238,636.00
...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	13/11/2025	BH00068	THIẾT BỊ CHUYỂN MẠCH CISCO CATALYST 1300 48-PORT GE, FULL POE, 4x1G C1300-48FP-4G	131		77,700,000.00
19/11/2025	19/11/2025	BH00070	HỢP ĐỒNG SỐ 24062025/HĐTC/LG-VDC/SAOVIET KÝ NGÀY 24/6/2025 VỀ VIỆC THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ CÔNG TRÌNH TRƯỜNG	131		374,995,660.00
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		**743,288,269.00**	**743,288,269.00**
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 6:Tr*ích sổ chi* tiết TK 5111

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
...	...	...	...	...	...	...	...
27/05/2025	27/05/2025	UNC2025022	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI TUẤN KHOA theo hóa đơn 00002722	331	1121	12,015,000.00	
27/05/2025	27/05/2025	UNC2025022	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI TUẤN KHOA theo hóa đơn 00002722	1121	331		12,015,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
27/06/2025	27/06/2025	BH00057	KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN ĐỢT 2- HỢP ĐỒNG 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM NGÀY 24/4/2024- HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ TẠI DỰ ÁN KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU	131	5113	76,472,889.00	
27/06/2025	27/06/2025	BH00057	KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN ĐỢT 2- HỢP ĐỒNG 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM NGÀY 24/4/2024- HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ TẠI DỰ ÁN KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU	5113	131		76,472,889.00
27/06/2025	27/06/2025	BH00057	KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN ĐỢT 2- HỢP ĐỒNG 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM NGÀY 24/4/2024- HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ TẠI DỰ ÁN KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU	131	33311	6,117,831.12	
27/06/2025	27/06/2025	BH00057	KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN ĐỢT 2- HỢP ĐỒNG 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM NGÀY 24/4/2024- HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ TẠI DỰ ÁN KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU	33311	131		6,117,831.12
...	...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	13/11/2025	BH00068	Bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24	131	5111	77,700,000.00	
13/11/2025	13/11/2025	BH00068	Bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24	5111	131		77,700,000.00
13/11/2025	13/11/2025	BH00068	Bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24	131	33311	6,216,000.00	
13/11/2025	13/11/2025	BH00068	Bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24	33311	131		6,216,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

- NV1
- NV2

Hình 7:Trích sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: **511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
---	---	---	---			---		--	
25/06/2025	PT000024	25/06/2025	BÁN HÀNG CHO CÔNG TY JONT TECH			1111		2,100,000.00	
27/06/2025	BH00057	27/06/2025	KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN ĐỢT 2- HỢP ĐỒNG 2404/2024/HĐTC/TD-VIDACOM NGÀY 24/4/2024- HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN NHẸ TẠI DỰ ÁN KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU			131		76,472,889.00	➢ NV1
05/07/2025	BH00062	05/07/2025	BỔ SUNG HOÁ ĐƠN THIẾU ĐỢT THANH TOÁN SỐ 1 VÀ SỐ 2			131		142,159,082.00	
---	---	---	---			---		--	
13/11/2025	BH00068	13/11/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24			131		77,700,000.00	➢ NV2
---	---	---	---			---	--		
			- Cộng số phát sinh				3,884,217,285.00	3,884,217,285.00	
			- Số dư cuối kỳ						
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				3,884,217,285.00	3,884,217,285.00	

Hình 8:Trích sổ cái TK 511

2.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.2.1. Đặc điểm của các khoản giảm trừ doanh thu

Tại VIDACOM, các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản làm giảm doanh thu đã ghi nhận của doanh nghiệp, thường phát sinh khi công ty giảm giá, điều chỉnh hoặc giảm giá trị dịch vụ cho khách hàng.

Do công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công và cung cấp dịch vụ trọn gói nên doanh thu được theo dõi trên TK 5113 – "Doanh thu cung cấp dịch vụ". Vì vậy,

khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sẽ hạch toán giảm trực tiếp vào TK 511, chi tiết trên TK 5113, để phản ánh đúng doanh thu thực tế của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

2.2.2.2. Tài khoản-chứng từ- sổ sách sử dụng

a, Tài khoản sử dụng

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* ".

b, Chứng từ sử dụng

- Biên bản trả lại hàng bán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ ngân hàng, Phiếu chi

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ nhật ký chung TK 511
- Sổ cái TK 511

2.2.2.3. Nghiệp vụ minh họa

Ví dụ : Trả lại hàng bán công ty TNHH Công Nghệ và xây dựng Hoàng Hải

Ngày 02/08/2025, căn cứ Hóa đơn GTGT số 14 ký hiệu 1C25TVD, Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ VIDACOM lập chứng từ hàng bán bị trả lại đối với Công ty TNHH Công nghệ và Xây dựng Hoàng Hải để điều chỉnh giảm giá trị thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ công trình Trường THPT Quế Sơn do một phần khối lượng sau nghiệm thu không được chủ thầu phê duyệt. Giá trị điều chỉnh giảm chưa thuế là 46.964.000 đồng, thuế GTGT 8% là 3.757.120 đồng, tổng giá trị điều chỉnh giảm là 50.721.120 đồng.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày *(date)* 02 tháng *(month)* 08 năm *(year)* 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1C25TVD**

Số *(No.):* **14**

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM**

Mã số thuế *(Tax code):* **0401854866**

Địa chỉ *(Address):* **479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.**

Điện thoại *(Phone number):* **0905 774 446**

Số tài khoản *(Account No.):* **0041000313187** **Tại TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI

Mã số thuế *(Tax code):* 0402158251

Địa chỉ *(Address):* Số 67 đường Bát Nàn Công Chúa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Số tài khoản** *(Account No.):*

Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Điều chỉnh giảm thành tiền của hàng hóa dịch vụ: Thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ Công trình Trường THPT Quế Sơn - huyện Quế Sơn - Quảng Nam theo hợp đồng số 1108/2023/HĐTC/HH-VDC ký ngày 11/8/2023 và Hồ sơ quyết toán ngày 29/8/2024				-46.964.000
	Hóa đơn điều chỉnh giảm 50.721.120 cho hóa đơn điện tử mẫu 1, ký hiệu C24TVD, số 18 lập ngày 25/09/2024				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	-46.964.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	-3.757.120
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	-50.721.120

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Điều chỉnh giảm năm mươi triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn một trăm hai mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

Ký ngày 02/08/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106

Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search. Mã số bí mật: 6C64PBVGQC0R1J0. Mã của cơ quan thuế: 00EF20FEF636D945979ED15069E0CC1308

Hình 9: Hóa đơn GTGT số 14

Kế toán nhập đầy đủ thông tin khách hàng, hàng hóa, số lượng, đơn giá và thuế GTGT theo đúng nội dung hóa đơn, sau đó lập hóa đơn GTGT trên phần mềm

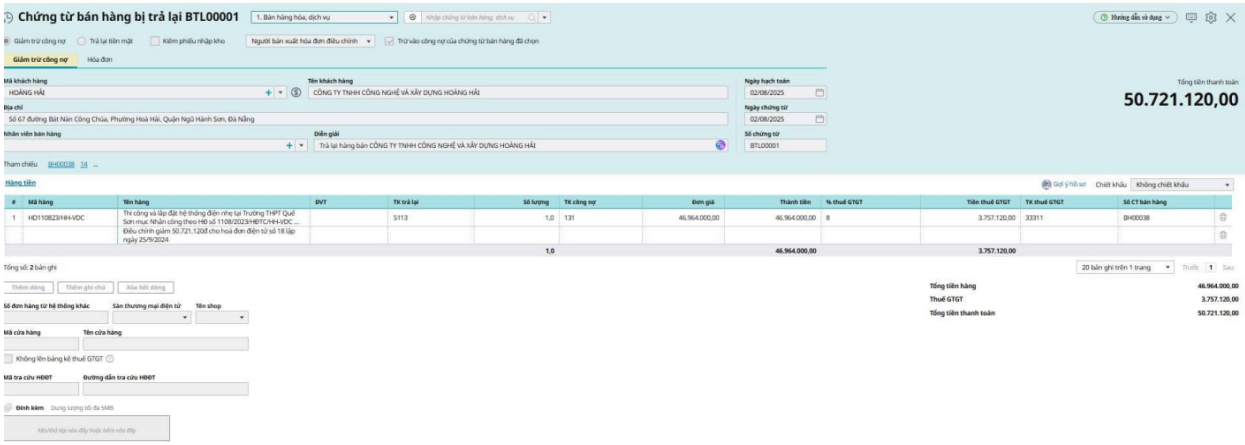

Hình 10: Nhập giảm trừ công nợ trên phần mềm MISA

Hệ thống sẽ tự cập nhật và lên sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 5113						
...	...	...	...	...	...	...
02/08/2025	02/08/2025	BTL00001	Thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ tại Trường THPT Quế Sơn mục Nhân công theo HĐ số 1108/2023/HĐTC/HH-VDC ngày 11/8/2023 và hồ sơ quyết toán ngày 15/7/2025	131	46,964,000.00	
09/08/2025	09/08/2025	BTL00002	Thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ tại trường THPT Quế Sơn theo HĐ số 1208/2023/HĐTC/SAIKO-VDC ngày 12/8/2023 và Hồ sơ quyết toán ngày 15/7/2025	131	102,694,233.00	
30/09/2025	30/09/2025	BTL00003	Thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ tại Trường THPT Quế Sơn mục Nhân công theo HĐ số 1108/2023/HĐTC/HH-VDC ngày 11/8/2023 và hồ sơ quyết toán ngày 15/7/2025	131	103,483,000.00	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		**2,887,787,783.00**	**2,887,787,783.00**
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 11: Trích sổ chi tiết TK 5113

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
01/08/2025	01/08/2025	NTTK2025031	Thu tiền của CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TRIỀU DƯƠNG HSTT ĐỢT 2	1121	131	62,707,769.00	0.00
01/08/2025	01/08/2025	NTTK2025031	Thu tiền của CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TRIỀU DƯƠNG HSTT ĐỢT 2	131	1121	0.00	62,707,769.00
...	...	...	...	...	...	...	...
02/08/2025	02/08/2025	BTL00001	Trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI	5113	131	46,964,000.00	0.00
02/08/2025	02/08/2025	BTL00001	Trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI	131	5113	0.00	46,964,000.00
02/08/2025	02/08/2025	BTL00001	Trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI	33311	131	3,757,120.00	0.00
02/08/2025	02/08/2025	BTL00001	Trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI	131	33311	0.00	3,757,120.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

Hình 12: Trích sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: **511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...			...	...	
18/02/2025	XK00144	18/02/2025	Xuất kho bán hàng cho a Nhân- Thành Quân			156	1,151,292.65	
18/02/2025	XK00146	18/02/2025	Xuất kho bán hàng cho a Nhân- Thành Quân			156	4,017,500.00	
02/08/2025	BTL00001	02/08/2025	Trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI			131	46,964,000.00	
17/12/2025	XK2025070	17/12/2025	Xuất kho khác cho CÔNG TY CỔ PHẦN			156	168,000.00	
17/12/2025	XK2026013	17/12/2025	Xuất kho bán hàng cho Ctrinh Premo3			156	648,000.00	
...	...	...	...			...	...	
			- Cộng số phát sinh				3,884,217,285.00	3,884,217,285.00
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				3,884,217,285.00	3,884,217,285.00

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 13: Trích sổ cái TK 511

2.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

Đặc điểm giá vốn hàng bán tại VIDACOM gắn liền với hoạt động cung cấp thiết bị công nghệ, thi công và lắp đặt các hệ thống kỹ thuật như camera, mạng, điện nhẹ, âm thanh… Vì vậy giá vốn không chỉ bao gồm giá trị hàng hóa bán ra mà còn bao gồm nhiều chi phí trực tiếp phục vụ quá trình thi công công trình và cung cấp dịch vụ.

2.2.3.2. Tài khoản-chứng từ- sổ sách sử dụng

a, Tài khoản sử dụng

TK 632 - chi phí giá vốn hàng bán

b, Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ nhật ký chung TK 632
- Sổ cái TK 632

2.2.3.3. Nghiệp vụ minh họa

Để minh họa thực trạng giá vốn tại công ty TNHH Công Nghệ và Dịch vụ Vidacom

Nghiệp vụ 1: Giá vốn của dịch vụ trọn gói

Nghiệp vụ 2: Giá vốn của bán hàng hóa theo hóa đơn số 24

Nghiệp vụ 1 Gía vốn của dịch vụ trọn gói:

Ngày 31/12/2025, căn cứ Chứng từ kế toán số NT00026, kế toán tiến hành nghiệm thu giá vốn các công trình hoàn thành trong kỳ tính giá thành từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025. Đồng thời thực hiện kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đã hoàn thành từ TK 154 sang TK 632 để xác định giá vốn công trình bàn giao cho khách hàng.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng,
Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Tên: Số: NT00026
Địa chỉ: Ngày: 31/12/2025
Diễn giải: Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Nghiệm thu công trình KHÁCH SẠN 312 NGUYEN DUY HIEU	632	154	164.978.185,66
2	Nghiệm thu công trình CÔNG TRÌNH TOÀ NHÀ 73 QUANG TRUNG	632	154	37.901.599,12
3	Nghiệm thu công trình BỆNH VIỆN QUẾ SƠN	632	154	39.711,00
4	Nghiệm thu công trình BILICOM	632	154	308.836.990,00
5	Nghiệm thu công trình SMART TECHCONS	632	154	76.295,00
6	Nghiệm thu công trình C.PHAT - NAM O	632	154	265.556,00
7	Nghiệm thu công trình CHIEN THANG	632	154	23.000.122,03
8	Nghiệm thu công trình DANAPHA	632	154	32.775,00
9	Nghiệm thu công trình TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y DƯỢC ĐÀ NẴNG - CS2	632	154	1.028.478.531,61
10	Nghiệm thu công trình CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT CAMERA THEO DÕI BIỂN SỐ TẠI HIỆP ĐỨC, QUẢNG NAM	632	154	6.949.722,05
11	Nghiệm thu công trình KHÁCH LẺ	632	154	4.494.852,34
12	Nghiệm thu công trình KHU NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ TUYỀN SƠN-CAMERA	632	154	23.508,00
13	Nghiệm thu công trình PHÒNG KHÁM TRÍ TÂM ĐÀ NẴNG	632	154	79.361,00
14	Nghiệm thu công trình TRƯỜNG TRUNG HỌC QUẾ SƠN- MỤC THIẾT BỊ	632	154	276.498,00
15	Nghiệm thu công trình TRƯỜNG MẦM NON SAO VIỆT MARINA	632	154	157.168.602,04
16	Nghiệm thu công trình TAN AN PHU - LHPHONG	632	154	165.303,00
17	Nghiệm thu công trình VIỆN KIỂM SÁT - TQ	632	154	1.100.214,00
18	Nghiệm thu công trình ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y DƯỢC CƠ SỞ 1	632	154	451.118.263,51
	Cộng			**2.184.986.089,36**

Thành tiền bằng chữ: ***Hai tỷ một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi chín phẩy ba mươi sáu đồng.***

Ghi chú: .....

Hình 14 : Chứng từ kế toán số NT00026

Căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán nhập liệu vào màn hình như sau:

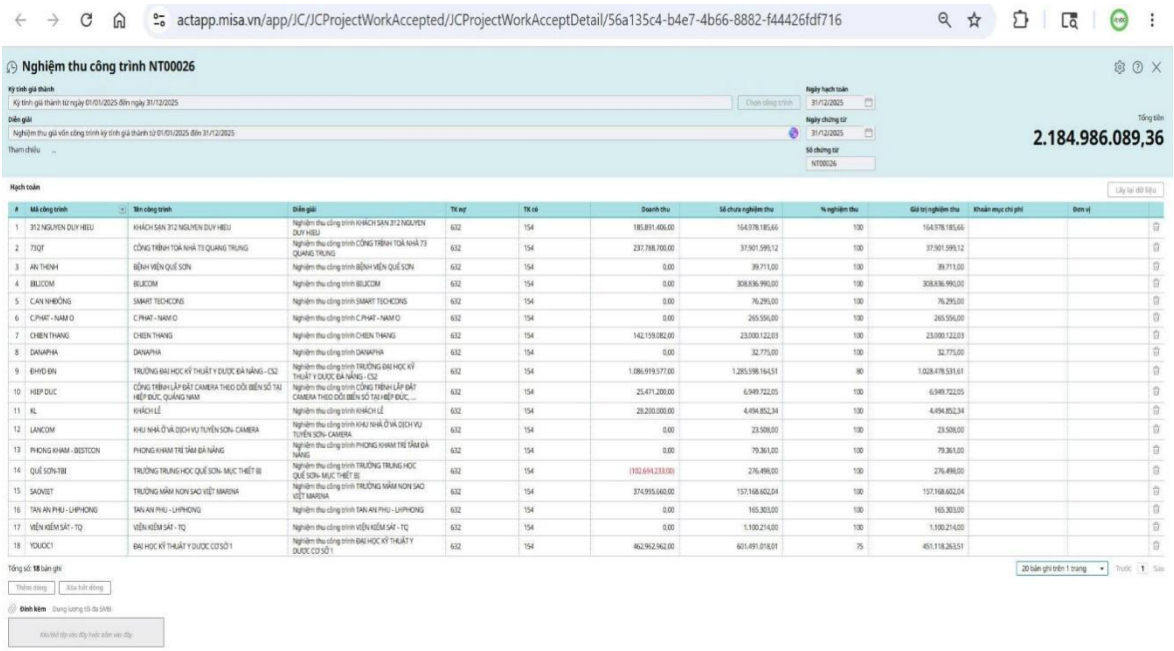

Hình 15 : Màn hình nhập liệu nghiệm thu công trình NT00026

Nghiệp vụ 2: Gía vốn của bán hàng hóa theo hóa đơn số 24

Ngày 13/11/2025, CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM xuất kho bán cho CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG 02 thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst C1300-48FP-4G theo hóa đơn số 24. Hàng được xuất từ kho công ty theo phiếu xuất kho số XK2025044, với tổng giá vốn xuất kho là 74.340.000 đồng và tổng giá thanh toán bán hàng là 83.916.000 đồng đã bao gồm thuế GTGT 8%.

- Căn cứ vào chứng từ bán hàng đã lập, kế toán lập phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng,
Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 13 tháng 11 năm 2025
Số: XK2025044

Nợ: 632
Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG
- Địa chỉ (bộ phận): 02 Tùng Thiện Vương, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24
- Xuất tại kho (ngăn lô): CÔNG TY Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	THIẾT BỊ CHUYỂN MẠCH CISCO CATALYST 1300 48-PORT GE, FULL POE, 4x1G_C1300-48FP-4G	CISCO C1300	Cái	2,0		37.170.000,00	74.340.000,00
	Cộng						**74.340.000,00**

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Bảy mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.***
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Hình 16: Phiếu xuất kho

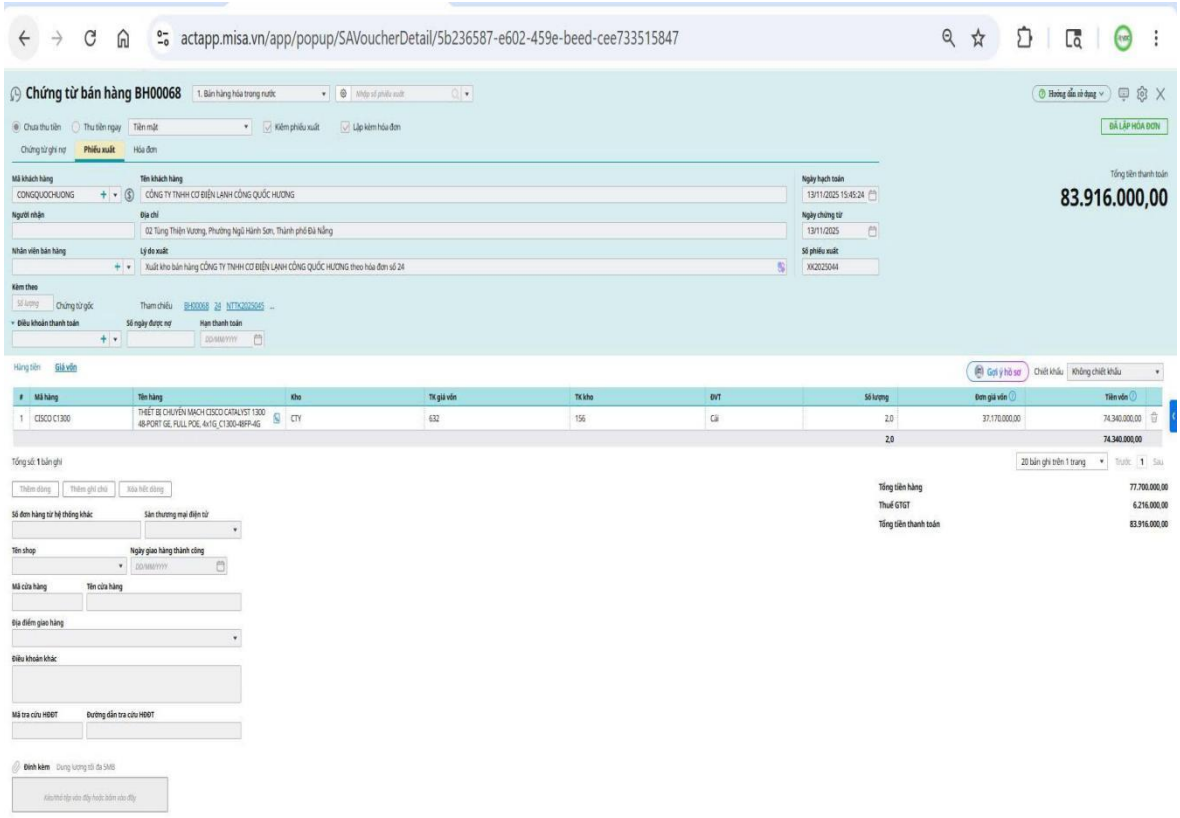

Hình 17: Màn hình nhập liệu phiếu xuất phần mềm Misa

Hệ thống sẽ tự động cập nhật thông tin phiếu xuất kho và tự động ghi vào sổ chi tiết TK 632, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
NAM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 632						
...	...	...	...	...		...
13/11/2025	13/11/2025	XK2025044	THIẾT BỊ CHUYỂN MẠCH CISCO CATALYST 1300 48-PORT GE, FULL POE, 4x1G C1300-48FP-4G	156	74,340,000.00	➢ NV2
...	...	...	...	...	...	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình KHÁCH SẠN 312 NGUYỄN DUY HIỆU	154	164,978,185.66	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình CÔNG TRÌNH TOÀ NHÀ 73 QUANG TRUNG	154	37,901,599.12	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình BỆNH VIỆN QUẾ SƠN	154	39,711.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình BILICOM	154	308,836,990.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình SMART TECHCONS	154	76,295.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình C PHAT - NAM O	154	265,556.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình CHIEN THANG	154	23,000,122.03	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình DANAPHA	154	32,775.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y DƯỢC ĐÀ NẴNG - CS2	154	1,028,478,531.61	➢ NV1
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT CAMERA THEO DÕI BIỂN SỐ TẠI HIỆP ĐỨC, QUẢNG NAM	154	6,949,722.05	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình KHÁCH LẺ	154	4,494,852.34	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình KHU NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ TUYÊN SƠN- CAMERA	154	23,508.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình PHÒNG KHÁM TRI TÂM ĐÀ NẴNG	154	79,361.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình TRƯỜNG TRUNG HỌC QUẾ SƠN- MỤC THIẾT BỊ	154	276,498.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình TRƯỜNG MẦM NON SAO VIỆT MARINA	154	157,168,602.04	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình TAN AN PHU - LHPHONG	154	165,303.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình VIỆN KIỂM SÁT - TQ	154	1,100,214.00	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu công trình ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y DƯỢC CƠ SỞ 1	154	451,118,263.51	
...	...	...	...	...		...
			Cộng số phát sinh		2,860,415,625.16	2,860,415,625.16
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 18:Trích sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	05/11/2025	XK2025043	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐÔNG DƯƠNG theo hóa đơn số 23	632	156	26,675,912.50	
05/11/2025	05/11/2025	XK2025043	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐÔNG DƯƠNG theo hóa đơn số 23	156	632		26,675,912.50
	...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	13/11/2025	XK2025044	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24	632	156	74,340,000.00	
13/11/2025	13/11/2025	XK2025044	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24	156	632		74,340,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	632	154	2,184,986,089.36	
31/12/2025	31/12/2025	NT00026	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	154	632		2,184,986,089.36
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

- NV2
- NV1

Hình 19:Trích sổ nhật ký chung năm 2025

`

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
...	...	...	...		...	...	...		
18/02/2025	XK00146	18/02/2025	Xuất kho bán hàng cho a Nhân- Thành Quân			156	4,017,500.00		
...	...	...	...		...	...	...	...	
13/11/2025	XK2025044	13/11/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo hóa đơn số 24			156	74,340,000.00		➢ NV2
...	...	...	...		...	...	...	...	
31/12/2025	NT00026	31/12/2025	Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ 01/01/2025 đến 31/12/2025			154	2,184,986,089.36		➢ NV1
...	...	...	...		...	...	...	...	
			- Cộng số phát sinh				2,860,415,625.16	2,860,415,625.16	
			- Số dư cuối kỳ						
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				2,860,415,625.16	2,860,415,625.16	

- Sổ này có 04 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 20 : Trích sổ cái TK 632

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của đơn vị bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm lương nhân viên, chi phí văn phòng phẩm,, điện nước, internet…

Chi phí bán hàng gồm các khoản như chi phí vận chuyển , giao hàng thiết bị cho khách hàng…

2.2.4.2. Tài khoản - chứng từ - sổ sách sử dụng.

a) Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó công ty sử dụng :

TK 6421- chi phí bán hàng

TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

b) Chứng từ sử dụng

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi, giấy báo có

+ sổ phụ ngân hàng

+ Bảng tính lương và các khoản trích theo lương

+ Phiếu kế toán

c)Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 6421,6422
- Sổ nhật ký chung TK 6421, 6422
- Sổ chi tiết TK 6421, 6422

2.2.4.2. Nghiệp vụ minh họa.

Chi phí bán hàng gồm 1 nghiệp vụ:

Nghiệp vụ 1: chi phí vận chuyển hàng hóa

Chi phí quản lí doanh nghiệp gồm 2 nghiệp vụ:

Nghiệp vụ 2: Chi tiền mua văn phòng phẩm

Nghiệp vụ 3: Hạch toán tiền lương

Nghiệp vụ 1 Chi phí vận chuyển hàng hóa:

Ngày 27/11/2025, Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ VIDACOM thanh toán tiền cước vận chuyển hàng từ Phạm Hùng đi Huỳnh Văn Nghệ, Đà Nẵng cho Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Du lịch Thuận Thành bằng tiền mặt, tổng thanh toán 648.000 đồng (trong đó giá chưa thuế 600.000 đồng, thuế GTGT 8% là 48.000 đồng).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Taxi Tải Thuận Thành

Ngày (Date) 27 *tháng (month)* 11 *năm (year)* 2025

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TTT
Số *(No)*: **00004062**

Đơn vị bán hàng *(Issued)*: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN THÀNH
Mã số thuế *(VAT Code)*: 0 4 0 0 5 1 5 1 3 0
Địa chỉ *(Address)*: Số 223 Bùi Tấn Diên, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02363.23.23.23
Số tài khoản *(A/C No.)*: 84 02363 23 23 23 tại Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng
19121 23 23 23 666 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Thanh Khê Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:
Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
Mã số thuế *(VAT Code)*: 0401854866
Địa chỉ *(Address)*: 479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Hình thức thanh toán *(Payment Method)*: TM Số tài khoản *(A/C No)*:
Mã ĐVQHNS: Số căn cước công dân:
Ngân hàng *(Bank)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Biển kiểm soát *(License plate)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Total)*
1	2	3	4	5	6	7 = 5 x 6
1	Cước vận chuyển hàng từ Phạm Hùng đi Huỳnh Văn Nghệ, Đà Nẵng	43H-03110	Chuyến	1	600.000	600.000

Cộng tiền hàng *(Amount)*: 600.000
Thuế suất GTGT *(Tax Rate)*: 8% Tiền thuế GTGT *(V.A.T Amount)*: 48.000
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total)*: 648.000

Số tiền viết bằng chữ *(In Word)*: Sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng

Người mua hàng *(Buyer)* *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Sign,full name)*	CƠ QUAN THUẾ	Người bán hàng *(Seller)* *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Sign,full name)*
	Signature Valid Ký bởi CN=CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 27/11/2025 15:11:09	Signature Valid Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN THÀNH Ký ngày: 27/11/2025 15:11:05

Mã của cơ quan thuế: 0 037 474 A876 69545 FE88 F8030D6FB40B95
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0400515130-tt78.vnpt-invoice.com.vn/ - Mã tra cứu: 13 2831001C25TTT4062106 521
Cảm ơn quý khách đã sử dụng hàng hóa và dịch vụ của chúng tôi!

Hình 21: Hóa đơn GTGT số 00004062

Căn cứ vào hóa đơn số 00004062, kế toán nhập liệu vào màn hình Misa

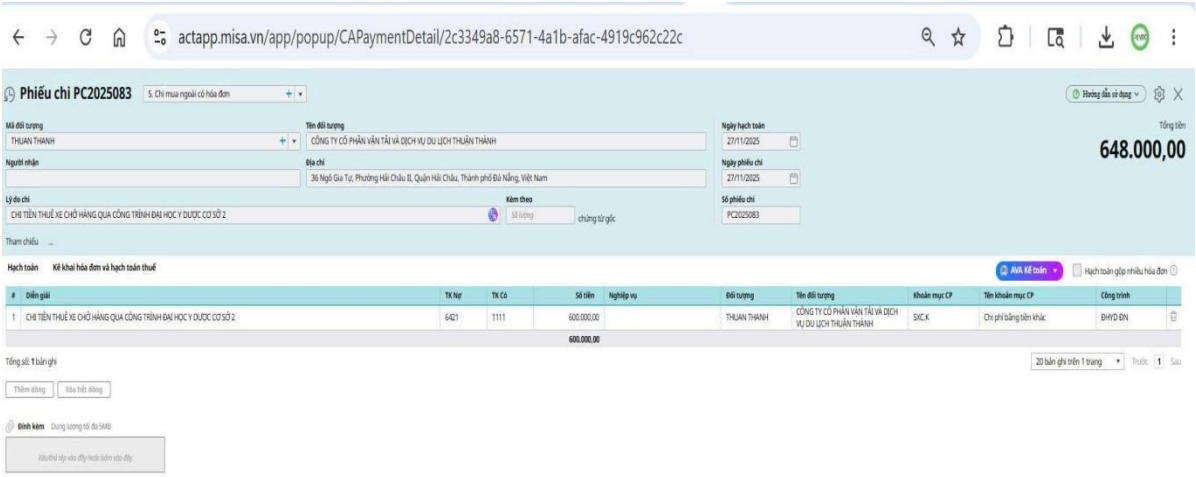

Hình 22: Màn hình nhập liệu phiếu chi phần mềm Misa

Sau khi kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm tự động kết xuất vào sổ chi tiết TK 6421

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BT

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 6421						
27/11/2025	27/11/2025	PC2025083	CHI TIỀN THUÊ XE CHỞ HÀNG QUA CÔNG TRÌNH ĐẠI HỌC Y DƯỢC CƠ SỞ 2	1111	600,000.00	
27/11/2025	27/11/2025	PC2025084	CHI TIỀN GỬI HÀNG TỪ HÀ NỘI VỀ ĐÀ NẴNG CT ĐẠI HỌC Y DƯỢC CS2	1111	420,000.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1,020,000.00
			Cộng số phát sinh		**1,020,000.00**	**1,020,000.00**
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 23: Trích sổ chi tiết TK 6421

Nghiệp vụ 2 Chi tiền mua văn phòng phẩm:

Ngày 11/04/2025 công ty chi tiền mua văn phòng phẩm với tổng đơn giá chưa thuế là 1.386.111 vnđ với tổng giá trị thanh toán là 1.497.000 từ công ty Đồng Nguyên theo HĐ số 00000527

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Mẫu số - Ký hiệu: 1C25TDN
Số: 00000527

Mã của Cơ quan thuế: 00D1A0CBD8CFFB4AA8826D36728A6FBD54

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐỒNG NGUYÊN
Địa chỉ: 208 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: 0 4 0 1 5 3 2 7 9 5
Điện thoại: 0236.3699 168 - 0944286629 - Email: vanhoadongnguyen@gmail.com
Số tài khoản: 2005201008063 tại Ngân hàng Agribank - Chi Nhánh Cẩm Lệ - Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM**
Mã số thuế: 0 4 0 1 8 5 4 8 6 6
Địa chỉ: 479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Giấy IK Plus 70gsm khổ A4	Ram	5	62.962,96	314.815
2	Bút dạ quang HL03	Cây	10	5.555,55	55.556
3	Bút gel TP-GelE01 xóa được	Cây	20	6.944,44	138.889
4	Bìa màu A4	Ram	3	25.925,93	77.778
5	Bút lông bảng WB-03	Cây	10	6.018,52	60.185
6	Bút lông dầu PM09	Cây	6	7.407,41	44.444
7	Giấy than size 21x33cm (TL) hiệu G-STAR	Hộp	1	69.444	69.444
8	PIN R6DT/4S	Viên	20	2.777,78	55.556
9	Tập học sinh 96T HB	Quyển	20	5.555,55	111.111
10	Bìa nút	Cái	10	3.703,7	37.037
11	Bìa lá A4 FO CH03 trong túi 10 bìa	Bìa	60	1.851,85	111.111
12	Note mũi tên 5 màu	Tập	5	10.185,18	50.926
13	Bìa nhẫn Oring FO-ORB01	Cái	14	18.518,52	259.259

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Mẫu số - Ký hiệu: 1C25TDN
Số: 00000527

Mã của Cơ quan thuế: 00D1A0CBD8CFFB4AA8826D36728A6FBD54

[Tiếp theo trang trước - Trang 2/2]

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐÔNG NGUYÊN
Địa chỉ: 208 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: **0 4 0 1 5 3 2 7 9 5**
Điện thoại: 0236.3699 168 - 0944286629 - Email: vanhoadongnguyen@gmail.com
Số tài khoản: 2005201008063 tại Ngân hàng Agribank - Chi Nhánh Cẩm Lệ - Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM**
Mã số thuế: **0 4 0 1 8 5 4 8 6 6**
Địa chỉ: 479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
Chiết khấu:				Tiền chiết khấu:	0
				Cộng tiền hàng:	1.386.111
Thuế suất GTGT:8%				Tiền thuế GTGT:	110.889
				Tổng cộng tiền thanh toán:	1.497.000

Số tiền viết bằng chữ: **Một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn./.**

Người mua hàng **Người bán hàng**

Đã được ký điện tử bởi
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐÔNG NGUYÊN
Ngày ký: 11/04/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 24: Hóa đơn GTGT số 00000527

Căn cứ vào HĐ số 00000527, kế toán thực hiện nhập liệu vào màn hình Misa;

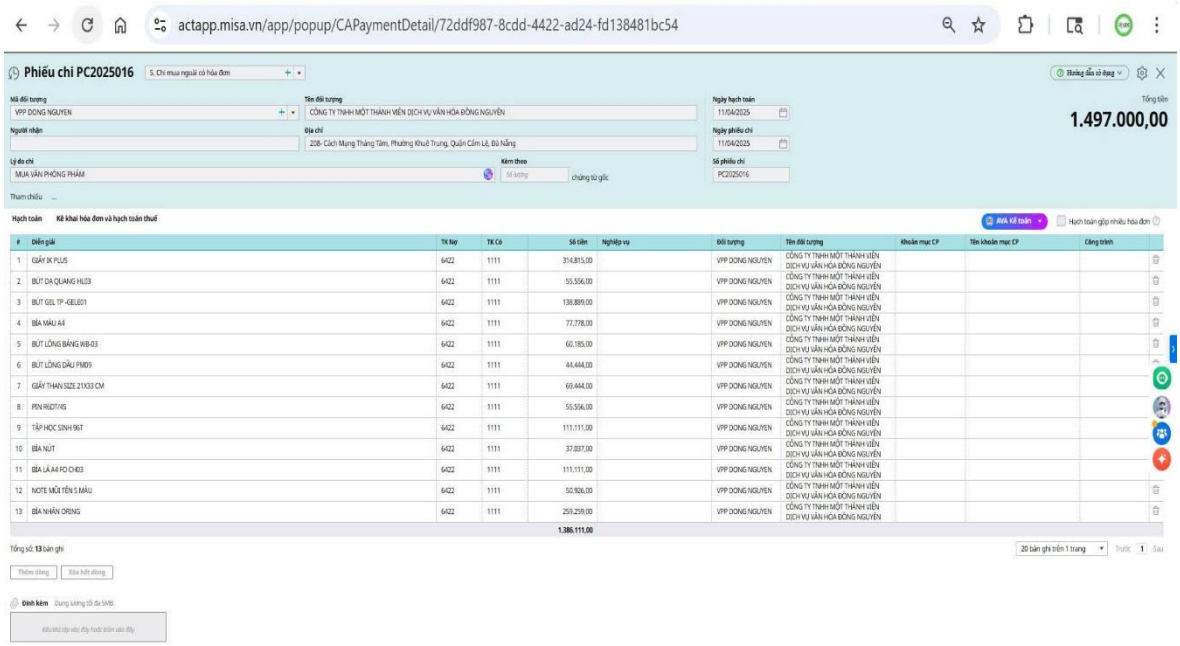

Hình 25:Màn hình nhập liệu phiếu chi phần mềm Misa

Nghiệp vụ 3 Hạch toán tiền lương:

Ngày 30/06/2025, công ty thực hiện tính và hạch toán tiền lương phải trả cho nhân viên tháng 6/2025. Trong đó, tiền lương của bộ phận sản xuất được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với số tiền 31.515.000 đồng và tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 22.970.000 đồng.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
Địa chỉ: 479 Trần Hưng Đạo- P.An Hải Nam - Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 6/2025

Công chuẩn 25

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày công	Mức Lương Chính	Phụ cấp khác	Phụ cấp					Tổng Thu Nhập	Lương đóng BH	Các khoản khấu trừ				Thực lĩnh (đã bao gồm CTP+ tăng ca)	Ghi chú
						Nhà ở	Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe	Con nhỏ			BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng 10,5%		
1	2	3	4	5		6	7	8	9		10	15	16	17	18	19	21	22
	Bộ phận văn phòng										22,970,000							
01	Ngô Thanh Bình	Giám đốc	25	4,410,000	1,000,000	500,000	875,000	800,000	1,000,000		8,585,000	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	8,121,950	
02	Nguyễn Thị Hà Trang	Kế Toán	25	4,410,000	500,000	500,000	875,000	300,000	500,000	1,000,000	8,085,000	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	7,621,950	
06	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	Sale Admin	25	4,410,000		500,000	875,000	300,000	215,000		6,300,000	4,410,000		66,150		66,150	6,233,850	*Trừ BHYT Tô*
	Bộ phận kĩ thuật						0				31,515,000						31,515,000	
03	Nguyễn Văn Linh	Kỹ thuật viên	25	4,410,000	1,000,000	500,000	875,000	300,000	500,000		7,585,000	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	7,121,950	
04	Nguyễn Quốc Việt	Kỹ thuật viên	25	4,410,000		500,000	875,000	200,000	300,000		6,285,000	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	5,821,950	
05	Nguyễn Hồng Sơn	Kỹ thuật viên	25	4,410,000		500,000	875,000	200,000	300,000		6,285,000	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	5,821,950	*Đã tính CTP*
07	Nguyễn Hồng Hạ	Kỹ thuật viên	25	4,410,000		500,000	875,000	200,000	300,000		6,285,000	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	5,821,950	*Đã tính CTP*
08	Đào Quốc Nam	Thử việc	25	4,000,000			875,000		200,000		5,075,000						5,075,000	*Đã tính CTP*
	TỔNG CỘNG		200	34,870,000	2,500,000	3,500,000	7,000,000	2,300,000	3,315,000	1,000,000	54,485,000	30,870,000	2,116,800	463,050	264,600	2,844,450	83,155,550	

Hình 26: Bảng thanh toán lương tháng 6 năm 2025

Căn cứ vào bảng thanh toán lương, kế toán tiến hành ghi nhận nghiệp vụ hạch toán tiền lương cho bộ phận văn phòng và bộ phận kĩ thuật lên phần mềm kế toán.

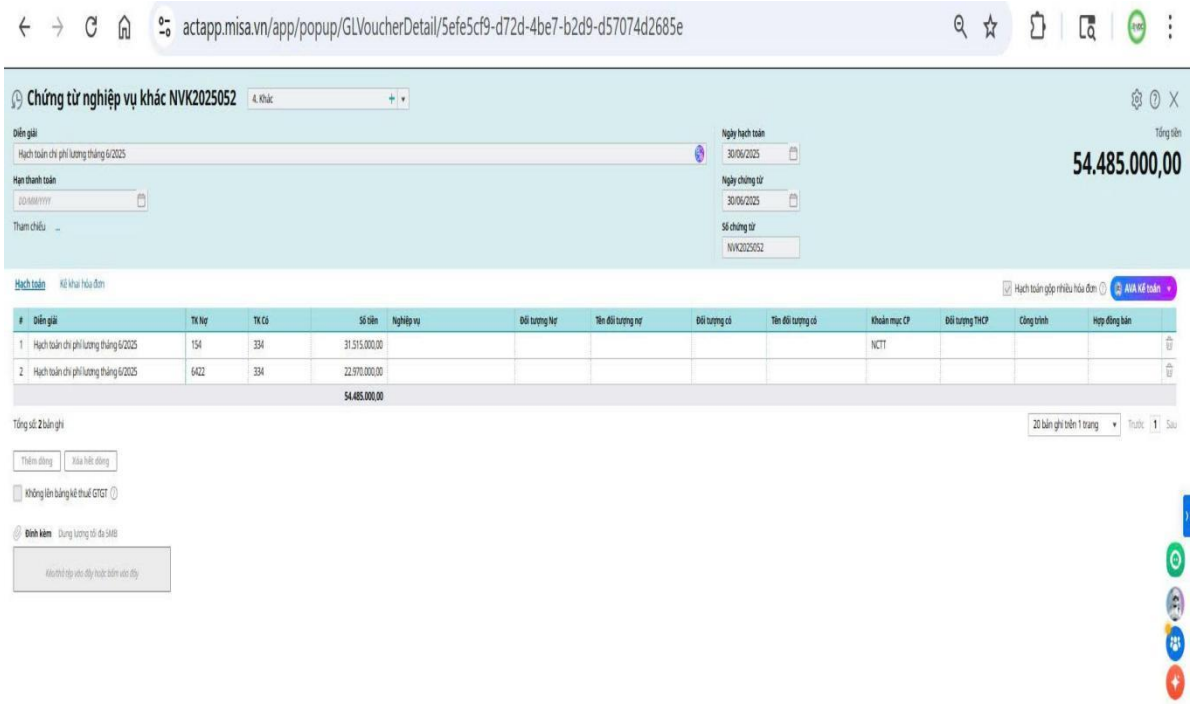

Hình 27:Màn hình nhập liệu Misa

- Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 6422, Sổ Nhật kí chung TK 642, Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
NAM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 6422						
...	...	...	...	...	...	
01/04/2025	01/04/2025	PC2025106	CHI TIỀN THUÊ NHÀ LÀM VĂN PHÒNG THÁNG 4	1111	7,000,000.00	
01/04/2025	01/04/2025	PC2025118	CHI TIỀN THUÊ XE Ô TÔ THÁNG 4	1111	8,000,000.00	
...	...	...	...	...	...	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	GIẤY IK PLUS	1111	314,815.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÚT DẠ QUANG HL03	1111	55,556.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÚT GEL TP -GELE01	1111	138,889.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÌA MÀU A4	1111	77,778.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÚT LÔNG BẢNG WB-03	1111	60,185.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÚT LÔNG DẦU PM09	1111	44,444.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	GIẤY THAN SIZE 21X33 CM	1111	69,444.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	PIN R6DT/4S	1111	55,556.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	TẬP HỌC SINH 96T	1111	111,111.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÌA NÚT	1111	37,037.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÌA LÁ A4 FO CH03	1111	111,111.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	NOTE MŨI TÊN 5 MÀU	1111	50,926.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	BÌA NHÃN ORING	1111	259,259.00	
...	...	...	...	...	...	
30/06/2025	30/06/2025	NVK2025052	Hạch toán chi phí lương tháng 6/2025	334	22,970,000.00	
			Cộng số phát sinh		702,359,049.00	702,359,049.00
			Số dư cuối kỳ		0	0

- NV2
- NV3

Hình 28:Trích Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	MUA VĂN PHÒNG PHẨM	6422	1111	1,386,111.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	MUA VĂN PHÒNG PHẨM	1111	6422		1,386,111.00
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	MUA VĂN PHÒNG PHẨM	1331	1111	110,889.00	
11/04/2025	11/04/2025	PC2025016	MUA VĂN PHÒNG PHẨM	1111	1331		110,889.00
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK2025052	Hạch toán chi phí lương tháng 6/2025	154	334	31,515,000.00	
30/06/2025	30/06/2025	NVK2025052	Hạch toán chi phí lương tháng 6/2025	334	154		31,515,000.00
30/06/2025	30/06/2025	NVK2025052	Hạch toán chi phí lương tháng 6/2025	6422	334	22,970,000.00	
30/06/2025	30/06/2025	NVK2025052	Hạch toán chi phí lương tháng 6/2025	334	6422		22,970,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
27/11/2025	27/11/2025	PC2025083	CHI TIỀN THUÊ XE CHỞ HÀNG QUA CÔNG TRÌNH ĐẠI HỌC Y DƯỢC CƠ SỞ 2	6421	1111	600,000.00	
27/11/2025	27/11/2025	PC2025083	CHI TIỀN THUÊ XE CHỞ HÀNG QUA CÔNG TRÌNH ĐẠI HỌC Y DƯỢC CƠ SỞ 2	1111	6421		600,000.00
27/11/2025	27/11/2025	PC2025083	CHI TIỀN THUÊ XE CHỞ HÀNG QUA CÔNG TRÌNH ĐẠI HỌC Y DƯỢC CƠ SỞ 2	1331	1111	48,000.00	
27/11/2025	27/11/2025	PC2025083	CHI TIỀN THUÊ XE CHỞ HÀNG QUA CÔNG TRÌNH ĐẠI HỌC Y DƯỢC CƠ SỞ 2	1111	1331		48,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

- NV 2
- NV 3
- NV 1

Hình 29: Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: **642 - Chi phí quản lý kinh doanh** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
...	...	...	...			...	...		
04/04/2025	PC2025015	04/04/2025	CƯỚC GIGAFONE TỪ 01/01/2025-31/1/2025			1111	29,422.00		
11/04/2025	PC2025016	11/04/2025	MUA VĂN PHÒNG PHẨM			1111	1,386,111.00		➢ NV2
...	...	...	...			...	...		
30/06/2025	NVK2025052	30/06/2025	Hạch toán chi phí lương tháng 6/2025			334	22,970,000.00		➢ NV3
...	...	...	...			...	...		
27/11/2025	PC2025083	27/11/2025	CHI TIỀN THUÊ XE CHỞ HÀNG QUA CÔNG TRÌNH ĐẠI HỌC Y DƯỢC CƠ SỞ 2			1111	600,000.00		➢ NV1
27/11/2025	PC2025084	27/11/2025	CHI TIỀN GỬI HÀNG TỪ HÀ NỘI VỀ ĐÀ NẴNG CT ĐẠI HỌC Y DƯỢC CS2			1111	420,000.00		
...	...	...	...			...	...		
			- Cộng số phát sinh				**703,379,049.00**	**703,379,049.00**	
			- Số dư cuối kỳ						
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**703,379,049.00**	**703,379,049.00**	

- Sổ này có 11 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 11
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 30:Trích Sổ cái TK 642

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.5.1.Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu được hình thành từ khoản lãi phát sinh trên số dư tiền gửi tại ngân hàng. Đây là nguồn thu mang tính ổn định do Công ty thường xuyên duy trì một lượng tiền nhất định trong tài khoản để phục vụ cho hoạt động thanh toán. Tuy nhiên, do mức lãi suất tiền gửi không cao và số dư tiền gửi không lớn nên khoản thu nhập từ lãi này tương đối thấp.

2.2.5.2. Tài khoản - chứng từ - sổ sách sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính, để phản ánh doanh thu hoạt động của công ty

- Chứng từ sử dụng

+ Phiếu thu
+ giấy báo có
+ Sổ phụ ngân hàng
- Sổ sách sử dụng
+ Sổ nhật ký chung
+ Sổ cái TK 515
+ Sổ chi tiết TK 515

2.2.5.3. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 31/12/2025, công ty nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chuyển vào tài khoản ngân hàng của công ty với số tiền 1.698 đồng.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng,
Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM Địa chỉ: Lý do: Lãi tiền gửi	Số: NTTK2025065 Ngày: 31/12/2025 Tài khoản: 1121
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 77997799 Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Đà Nẵng Số tiền: **1.698,00** Loại tiền: VND Viết bằng chữ: ***Một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng chẵn.***	

Diễn giải	Số tiền nguyên tệ(VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Lãi tiền gửi	1.698	1.698,00	1121	515

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*
Ngô Thanh Bình				

Hình 31: Giấy báo có

Kế toán tiến hành nhập lên phần mềm Misa

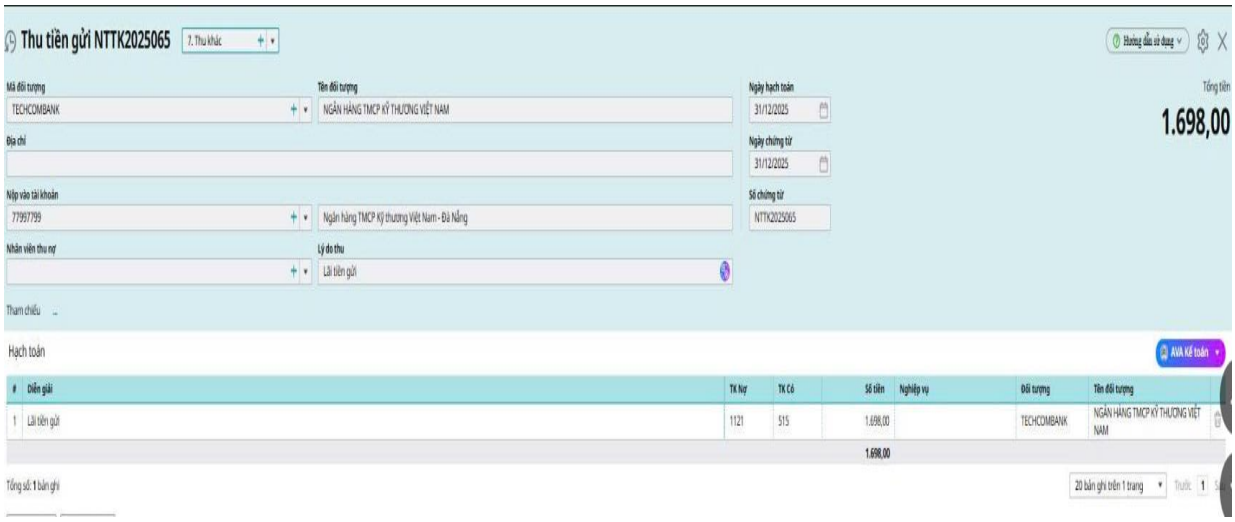

Hình 32:Màn hình nhập liệu Misa

Sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên sổ chi tiết TK 515, Sổ nhật ký chung, sổ cái 515.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BT
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 515						
...	...	...	...	...		...
29/11/2025	29/11/2025	NTTK2025055	Thu lãi tài khoản tiền gửi	1121		675.00
31/12/2025	31/12/2025	NTTK2025058	LÃI TIỀN GỬI	1121		10,792.00
31/12/2025	31/12/2025	NTTK2025065	Lãi tiền gửi	1121		1,698.00
...	...	...	...	...		...
			Cộng số phát sinh		**82,637.00**	**82,637.00**
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 33:Trích Sổ chi tiết TK 515

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
22/12/2025	22/12/2025	NK2025095	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHAN QUANG theo hóa đơn số 00006640 - CT LOGICTICS	156	331	11,481,481.00	
22/12/2025	22/12/2025	NK2025095	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHAN QUANG theo hóa đơn số 00006640 - CT LOGICTICS	331	156		11,481,481.00
22/12/2025	22/12/2025	NK2025095	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHAN QUANG theo hóa đơn số 00006640 - CT LOGICTICS	1331	331	918,519.00	
22/12/2025	22/12/2025	NK2025095	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHAN QUANG theo hóa đơn số 00006640 - CT LOGICTICS	331	1331		918,519.00
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NTTK2025065	Lãi tiền gửi	1121	515	1,698.00	
31/12/2025	31/12/2025	NTTK2025065	Lãi tiền gửi	515	1121		1,698.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

Hình 34: Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 c Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: **515-Doanh thu hoạt động tài chính** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...			...	...	
25/11/2025	NTTK2025066	25/11/2025	LÃI TIỀN GỬI			1121		6,474.00
29/11/2025	NTTK2025055	29/11/2025	THU LÃI TIỀN GỬI T9			1121		675.00
31/12/2025	NTTK2025058	31/12/2025	LÃI TIỀN GỬI			1121		10,792.00
31/12/2025	NTTK2025065	31/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		1,698.00
...	...	...	...			...	...	
			- Cộng số phát sinh				**82,637.00**	**82,637.00**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**82,637.00**	**82,637.00**

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 35: Trích Sổ cái TK 515

2.2.6. Kế toán chi phí tài chính.

(không phát sinh)

2.2.7. Kế toán thu nhập khác.

(không phát sinh)

2.2.8. Kế toán chi phí khác.

2.2.8.1. Đặc điểm chi phí khác

Chi phí khác tại VIDACOM phát sinh không thường xuyên, gồm các khoản như tiền phạt, thanh lý tài sản và lãi trả chậm do thanh toán công nợ chưa đúng hạn

2.2.8.2. Tài khoản - chứng từ - sổ sách sử dụng.

- Tài khoản sử dụng: TK 811 "Chi phí khác" dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.
- Chứng từ sử dụng: Hợp đồng kinh tế, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi
- Sổ theo dõi: Sổ cái TK 811, sổ chi tiết TK 811, sổ nhật ký chung TK 811

2.2.8.3. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 31/12/2025, doanh nghiệp nộp chậm tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp tháng 12/2025 cho cơ quan BHXH quận Sơn Trà bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền 285.533 đồng

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ HÒA CƯỜNG

Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH công nghệ và dịch vụ Vidacom
Địa chỉ: 519 đường 29/3, phường Hoà Xuân thành phố Đà Nẵng
Mã đơn vị: TD2387D

Bảo hiểm Xã hội cơ sở Hòa Cường
Địa chỉ: Quận Sơn Trà
Điện thoại: 0236.944.456 **Số TK:** **Tại:**

Căn cứ hồ sơ kê khai của đơn vị tính đến hết tháng, Thông báo chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của đơn vị như sau:

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLĐ	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	**Kỳ trước mang sang**	**5,619,622**	**41,210,556**	**2,996,318**	**1,240,480**	**310,120**	**51,377,096**
1	*Số lao động*	4	4	4	4	4	
2	*Phải đóng*						
2.1	*Thừa*						
2.2	*Thiếu*			2,976,750	1,234,800	308,700	49,126,871
3	*Thiếu lãi*	266,827	1,956,730	19,568	5,680	1,420	2,250,225
B	**Phát sinh trong kỳ**	**427,964**	**3,138,402**	**813,367**	**270,280**	**67,570**	**4,717,583**
1	*Số lao động*						
1.1	*Tăng*						
1.2	*Giảm*	1	1	1	1	1	
2	*Quỹ lương*	13,230,000	13,230,000	13,230,000	13,230,000	13,230,000	
2.1	*Tăng*						
2.2	*Giảm*	4,410,000	4,410,000	4,410,000	4,410,000	4,410,000	
3	*Phải đóng*	396,900	2,910,600	595,350	264,600	66,150	4,233,600
3.1	*Tăng*						
3.2	*Giảm*	132,300	970,200	198,450	88,200	22,050	1,411,200
4	*Điều chỉnh phải đóng kỳ trước*			198,450			198,450
4.1	*Tăng*			198,450			198,450
	Trong đó: năm trước						
4.2	*Giảm*						
	Trong đó: năm trước						
4.3	*Điều chỉnh*						
5	*Lãi*						
5.1	*Số tiền tính lãi*	4,823,595	35,373,026	1,984,500	882,000	220,500	43,283,621
5.2	*Tỷ lệ tính lãi*	0.644	0.644	0.986	0.644	0.644	
5.3	*Tổng tiền lãi*	31,064	227,802	19,567	5,680	1,420	285,533

C	*Số tiền đã nộp trong kỳ*						51,377,096
1	*+ UNC số 29598, Ngày 09/12/2025*						51,377,096
D	*Phân bổ tiền đóng*	5,619,622	41,210,556	2,996,318	1,240,480	310,120	51,377,096
1	*Phải đóng*	5,352,795	39,253,826	2,976,750	1,234,800	308,700	49,126,871
2	*Tiền lãi*	266,827	1,956,730	19,568	5,680	1,420	2,250,225
Đ	*Chuyển kỳ sau*	427,964	3,138,402	813,367	270,280	67,570	4,717,583
1	*Số lao động*	3	3	3	3	3	
2	*Phải đóng*						
2.1	*Thừa*						
2.2	*Thiếu*	396,900	2,910,600	793,800	264,600	66,150	4,432,050
3	*Thiếu lãi*	31,064	227,802	19,567	5,680	1,420	285,533

a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH (quỹ ốm đau, TS) bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH (quỹ Hưu trí và tử tuất) bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025
d) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLĐ, BNN bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025
đ) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT bắt buộc cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025
e) Tổng số nộp thiếu là 4,717,583 đồng, đề nghị đơn vị nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH trước ngày 31/12/2025
- Số tài khoản 3741.0.1056717.92008, tại Kho bạc nhà nước khu vực XII, Phòng giao dịch số 9;
- Số tài khoản 2004202917045, tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, CN Sơn Trà Đà Nẵng;
- Số tài khoản 91706500000002, tại Ngân hàng TMCP Công thương, Đà Nẵng;
- Số tài khoản 0041000269469, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng;
- Số tài khoản 5619848048, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Việt Nam, CN Đà Nẵng.

f) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan Bảo hiểm Xã hội cơ sở Hòa Cường để kiểm tra điều chỉnh trước ngày 31/12/2025. Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Văn Hảo

Hình 36: Trích từ chi tiết kết quả đóng bảo hiểm

Kế toán tiến hành nhập lên phần mềm Misa

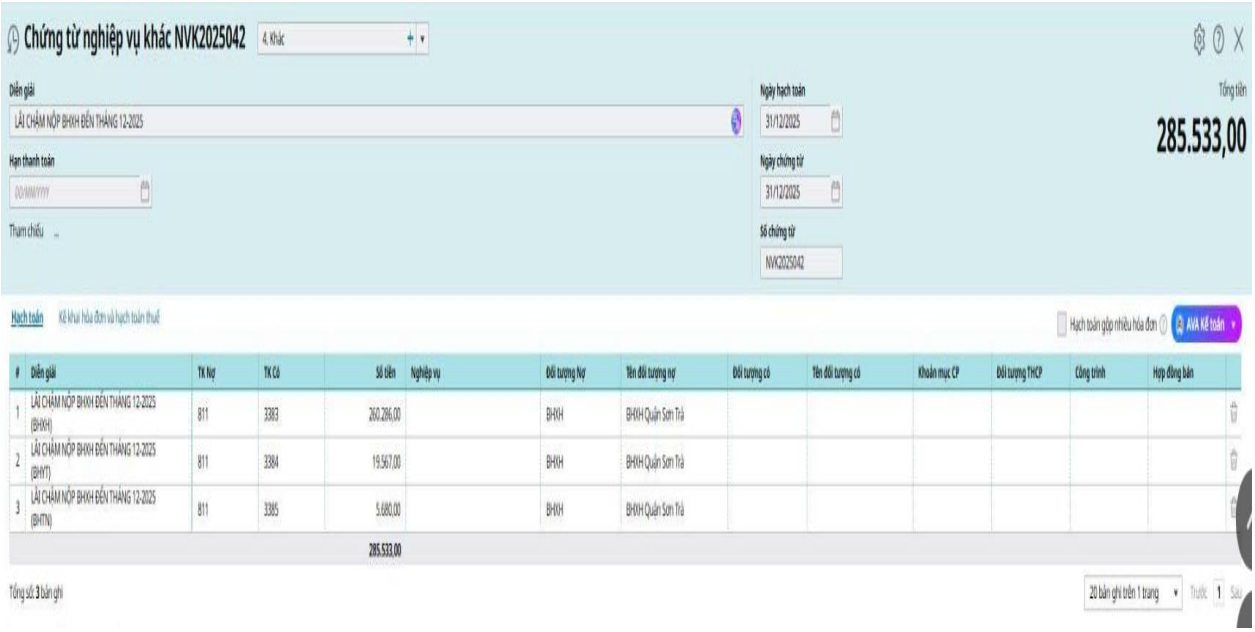

Hình 37:Màn hình nhập liệu Misa

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm tự động kết xuất vào chi tiết TK 811.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 811						
31/01/2025	31/01/2025	NVK2025009	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 01-2025 (BHXH)	3383	72,421.00	
31/01/2025	31/01/2025	NVK2025009	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 01-2025 (BHYT)	3384	21,542.00	
31/01/2025	31/01/2025	NVK2025009	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 01-2025 (BHTN)	3385	5,680.00	
..	...	...	...	...	...	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025 (BHXH)	3383	260,286.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025 (BHYT)	3384	19,567.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025 (BHTN)	3385	5,680.00	
...	...	...	...	...	...	
			Cộng		**7,871,516.00**	**7,871,516.00**

Hình 38:Trích Sổ chi tiết TK 811

căn cứ vào chứng từ phần mềm chuyển số liệu vào sổ NKC và sổ cái TK 811.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	05/11/2025	XK2025043	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐÔNG DƯƠNG theo hóa đơn số 23	632	156	26,675,912.50	
05/11/2025	05/11/2025	XK2025043	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐÔNG DƯƠNG theo hóa đơn số 23	156	632		26,675,912.50
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025	811	3383	260,286.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025	3383	811		260,286.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025	811	3384	19,567.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025	3384	811		19,567.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025	811	3385	5,680.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025042	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025	3385	811		5,680.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

Hình 39:Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 811-chi phí khác *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...			...	...	
31/10/2025	NVK2025036	31/10/2025	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 10-2025			3383	187,865.00	
...	...	...	...			...	...	
31/12/2025	NVK2025006	31/12/2025	hạch toán tiền thuế chậm nộp đến 31/12/2025			3339	5,078,123.00	
31/12/2025	NVK2025042	31/12/2025	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025			3384	19,567.00	
31/12/2025	NVK2025042	31/12/2025	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025			3383	260,286.00	
31/12/2025	NVK2025042	31/12/2025	LÃI CHẬM NỘP BHXH ĐẾN THÁNG 12-2025			3385	5,680.00	
...	...	...	...			...	...	
			- Cộng số phát sinh				7,871,516.00	7,871,516.00
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				7,871,516.00	7,871,516.00

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 40:Trích Sổ cái TK 811

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.9.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

2.2.9.2. Tài khoản - chứng từ - sổ sách sử dụng.

a,Tài khoản sử dụng: TK 821 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

b,Chứng từ sử dụng: - Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

c, Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 821
- Sổ nhật ký chung TK 821

- Sổ cái TK 821

2.2.9.3. Nghiệp vụ minh họa

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: F42 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

[05] Tỷ lệ (%): 100.00

[06] Tên người nộp thuế : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

[07] Mã số thuế: 0401854866

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	59,492,499
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	5,078,123
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	5,078,123
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**64,570,622**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	64,570,622
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	64,570,622
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0

Page 1

3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	64,570,622
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	64,570,622
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%*	*C7*	*64,570,622*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	10,977,006
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	10,977,006
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ và Lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**10,977,006**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	10,977,006
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	**Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh**		**0**
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	**Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS**		**0**
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	10,977,006
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**10,977,006**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	10,977,006
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

Page 2

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	10,977,006	10,977,006	0	0	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0					0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHCN	E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6	0	0	0	0	0	
		Tổng cộng		**10,977,006**	**0**	**0**	**0**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Người ký: NGÔ THANH BÌNH

Ngày ký: 31/12/2025

Hình 41: Tờ khai thuế TNDN năm 2025

PHỤ LỤC 03-1A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	**3,884,217,285**
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	**253,141,233**
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	253,141,233
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	**82,637**
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	*[11]*	*0*
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	**3,563,794,674**
a	Giá vốn hàng bán	[13]	2,860,415,625
b	Chi phí bán hàng	[14]	1,020,000
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	702,359,049
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	**0**
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	**67,364,015**
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	**0**
8	**Chi phí khác**	**[20]**	**7,871,516**
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	**(7,871,516)**
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	**59,492,499**

Page 1

Hình 42: Phụ lục kết quả HĐSXKD

Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ Cái tài khoản 821, sổ chi tiết tài khoản 821

Hình 43: Màn hình nhập liệu phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng,Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 821						
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	0.00	10,977,006.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025068	Hạch toán thuế TNDN năm 2025	3334	10,977,006.00	0.00
			Cộng số phát sinh		10,977,006.00	10,977,006.00
			Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Hình 44: Trích sổ chi tiết TK 821

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
...	...	...	...	...	...	...	...
24/11/2025	24/11/2025	UNC2025061	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN ĐẠT PHÁT MIỀN TRUNG	331	1121	1,242,000.00	
24/11/2025	24/11/2025	UNC2025061	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN ĐẠT PHÁT MIỀN TRUNG	1121	331		1,242,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2025	29/11/2025	NTTK2025055	THU LÃI TIỀN GỬI T9	1121	515	244,000.00	
29/11/2025	29/11/2025	NTTK2025055	THU LÃI TIỀN GỬI T9	515	1121		244,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025068	Hạch toán thuế TNDN năm 2025	821	3334	10,977,006.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025068	Hạch toán thuế TNDN năm 2025	3334	821		10,977,006.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

Hình 45: Trích sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		10,977,006.00
31/12/2025	NVK2025068	31/12/2025	Hạch toán thuế TNDN năm 2025			3334	10,977,006.00	
			- Cộng số phát sinh				10,977,006.00	10,977,006.00
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				10,977,006.00	10,977,006.00

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 0
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 46:Trích sổ cái TK 821

2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.10.1. Đặc điểm xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Cuối kỳ, kết chuyển tất cả các tài khoản từ TK 511, 515, 632, 6421, 6422, 711, 811 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ Vidacom
- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối năm bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm. Sau đó, các bút toán được kết chuyển tự động trên phần mềm, tiếp theo các dữ liệu được kết chuyển sang sổ cái TK 911

2.2.10.2. Tài khoản - chứng từ - sổ sách sử dụng

- Tài khoản sử dụng: TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"
- Chứng từ sử dụng: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911

2.2.10.3 Nghiệp vụ minh họa

Cuối kỳ, sau khi kiểm tra các số liệu đã khớp, căn cứ vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản, Công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh. Kế toán thực hiện kết

chuyển tài khoản doanh thu và chi phí trên phần mềm để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tự động kết chuyển như trên phần mềm và cho sổ nhật ký chung ,sổ cái và sổ chi tiết Tk 911:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Tài khoản: 911						
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111		743,288,269.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113		2,887,787,783.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		82,637.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2,860,415,625.16	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	1,020,000.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	702,359,049.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	811	7,871,516.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	10,977,006.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	48,515,493.00	
			Cộng số phát sinh		**3,631,158,689.00**	**3,631,158,689.00**
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 47: Trích sổ chi tiết TK 911

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

NĂM 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
...	...	...	...	...	...	...	...
07/11/2025	07/11/2025	NTTK2025045	Thu tiền khách hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo	1121	131	83,916,000.00	
07/11/2025	07/11/2025	NTTK2025045	Thu tiền khách hàng CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG theo	131	1121		83,916,000.00
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5111	911	743,288,269.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111		743,288,269.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	911	2,887,787,783.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113		2,887,787,783.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	82,637.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515		82,637.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	2,860,415,625.16	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632	911		2,860,415,625.16
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	1,020,000.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421	911		1,020,000.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6422	702,359,049.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6422	911		702,359,048.76
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	7,871,516.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811	911		7,871,516.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	821	10,977,006.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	821	911		10,977,006.00
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	48,515,493.00	
31/12/2025	31/12/2025	NVK2025067	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	911		48,515,493.00
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						**32,424,627,236.36**	**32,424,627,236.36**

Hình 48: Sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài **911 - Xác định kết quả kinh doanh** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212	48,515,493.00	
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5113		2,887,787,783.00
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	1,020,000.00	
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			821	10,977,006.00	
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6422	702,359,049.00	
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		743,288,269.00
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		82,637.00
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			811	7,871,516.00	
31/12/2025	NVK2025067	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	2,860,415,625.16	
			- Cộng số phát sinh				3,631,158,689.00	3,631,158,689.00
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				3,631,158,689.00	3,631,158,689.00

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Ngô Thanh Bình

Hình 49: Trích sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3,884,217,285.00	3,159,525,048.00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	253,141,233.00	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3,631,076,052.00	3,159,525,048.00
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2,860,415,625.16	2,364,992,528.00
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		770,660,426.84	794,532,520.00
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	82,637.00	93,323.00
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	703,379,049.00	714,236,702.00
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		67,364,015.00	80,389,141.00
10. Thu nhập khác	31	VI.7		962.00
11. Chi phí khác	32	VI.8	7,871,516.00	6,831,941.00
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7,871,516.00)	(6,830,979.00)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59,492,499.00	73,558,162.00
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9	10,977,006.00	15,033,632.00
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		48,515,493.00	58,524,530.00

Page 1

Hình 50: Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG III: NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

3.1. Nhận xét về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công Nghệ Và Dịch Vụ VIDACOM

Ngay từ khi mới thành lập công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực không ngừng. Sự cố gắng và phấn đấu hết mình của toàn bộ tập thể nhân viên trong Công ty, tập thể phòng kế toán không ngừng trau dồi nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình để trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của Công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

- Về cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý củ công ty đơn giản, gọn nhẹ mà lại rất linh hoạt, thống nhất, đảm bảo được yêu cầu của nhà quản lý, phù hợp với quy mô là doanh nghiệp nhỏ. Giám đốc là người đứng đầu, trực tiếp theo dõi, quản lý và chỉ đạo các bộ phận thực hiện nhiệm vụ theo đúng chuyên môn.Đội ngũ kế toán có tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên cập nhật các quy định mới của Nhà nước về chế độ kế toán và chính sách thuế để áp dụng vào thực tế công việc.

-Về chứng từ kế toán

Công ty áp dụng mẫu chứng từ và hoàn toàn tuân thủ quy định của Bộ tài chính theo thông tư TT133/2016/TT-BTC. Các giấy tờ chứng từ gốc được công ty bảo quản rất tốt nhằm phục vụ cho các công tác kiểm tra, thanh tra thuế sau này.Chứng từ kế toán luôn đầy đủ cho mỗi loại nghiệp vụ nhằm mục đích hỗ trợ đến việc lưu trữ, quản lý và đúng chế độ quy định Nhà nước. Quá trình làm việc chứng từ được luân chuyển nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán, kiểm tra và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

-Về hình thức ghi sổ

Bộ máy kế toán có sự kết hợp giữa thủ công và sự hỗ trợ của kế toán máy, công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chung là phù hợp. Hệ thống sổ của công ty khá đầy đủ, đúng với quy định của Bộ Tài Chính đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho các nhà quản trị và những người có liên quan

-Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Công tác xác định kết quả kinh doanh được thực hiện đầy đủ vào cuối kỳ kế toán. Việc kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 được thực hiện đúng quy định, giúp xác định chính xác lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh được cung cấp kịp thời cho ban lãnh đạo nhằm phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

3.1.2. Hạn chế.

Ngoài những ưu điểm nổi bật thì công ty cũng còn tồn tại những hạn chế trong công tác kế toán như sau:

1.Hạn chế về hạch toán Doanh thu

- Ghi nhận doanh thu bị chậm: Đối với các dự án thi công hệ thống mạng, nhà thông minh hay camera kéo dài, doanh thu thường chỉ được ghi nhận khi nghiệm thu toàn bộ công trình, dẫn đến tình trạng doanh thu bị dồn ứ vào cuối năm.
- Biến động doanh thu theo mùa/dự án: Doanh thu phụ thuộc lớn vào tiến độ thanh toán của chủ đầu tư và các dự án đấu thầu, gây khó khăn trong việc dự báo dòng tiền và duy trì mức tăng trưởng đều đặn.

2. Hạn chế về kiểm soát Chi phí

- Chi phí vật tư biến động: Giá vật tư, thiết bị công nghệ nhập khẩu phụ thuộc lớn vào tỷ giá và thị trường quốc tế, khiến doanh nghiệp khó chủ động kiểm soát giá vốn thi công.
- Quản lý chi phí nhân công và dịch vụ: Đặc thù ngành đòi hỏi đội ngũ kỹ thuật lành nghề. Nếu không có định mức phân bổ chi phí chuẩn xác, chi phí cho nhân sự và bảo hành dự án sẽ rất khó kiểm soát, làm đội giá thành.

3. Hạn chế trong xác định Kết quả kinh doanh

- Sai lệch kỳ kế toán: Chi phí dự án phát sinh ở kỳ này (như nhân công, khảo sát) nhưng doanh thu lại được ghi nhận ở kỳ sau (khi hoàn thành), dẫn đến lãi/lỗ trong các kỳ báo cáo không phản ánh đúng thực chất hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Thiếu báo cáo kế toán quản trị chuyên sâu: Chưa phân tích kỹ biên độ lợi nhuận gộp theo từng mảng dịch vụ cụ thể (hệ thống mạng, camera, âm thanh, v.v.), khiến doanh nghiệp gặp khó trong việc đưa ra chiến lược ưu tiên sản phẩm.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công Nghệ Và Dịch Vụ VIDACOM

Từ những kiến thức đã học và qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM, em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty.

A, Về tổng quan: VIDACOM là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và dịch vụ với bộ máy quản lý và kế toán tương đối ổn định. Công ty đã tổ chức công tác kế toán khá đầy đủ, các nghiệp vụ doanh thu, chi phí và xác định kết quả

kinh doanh được ghi nhận kịp thời, đáp ứng nhu cầu quản lý và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

B, Về kế toán

B1, Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

Qua bảng thanh toán lương tháng 6/2025, công ty hiện đang lập bảng lương chung cho toàn bộ nhân viên nhưng chưa tách riêng chi phí tiền lương của bộ phận Sale Admin theo từng tài khoản kế toán phù hợp .Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát chi phí bán hàng.

Vì vậy, công ty nên đề xuất tách riêng tiền lương và các khoản phụ cấp của bộ phận Sale Admin vào TK 6421 – Chi phí bán hàng thay vì gộp chung vào chi phí quản lý doanh nghiệp TK 6422. Do bộ phận Sale Admin thực hiện các công việc liên quan đến hỗ trợ kinh doanh, chăm sóc khách hàng, xử lý đơn hàng và hỗ trợ hoạt động bán hàng nên việc hạch toán vào TK 6421 sẽ phù hợp hơn với bản chất nghiệp vụ phát sinh.

B2, Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Dựa vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Trang 80) . ở mã chỉ tiêu B4, với số tiền là 5.078.123 đồng chênh lệch với phụ lục Kết quả HDSXKD ở mục chi phí khác 7.871.516 đồng vì còn thiếu phần lãi chậm nộp bảo hiểm chưa đưa vào là 2 triệu .Nên em có đề xuất là công ty nên sửa lại ở mục B4 là 7.871.516 đồng

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: F42 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

[05] Tỷ lệ (%): 100.00

[06] Tên người nộp thuế : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

[07] Mã số thuế: 0401854866

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	59,492,499
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	5,078,123
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	5,078,123

Sau khi sửa lại tờ khai thuế , đây là kết quả:

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: F42 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

[05] Tỷ lệ (%): 100.00

[06] Tên người nộp thuế : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM

[07] Mã số thuế: 0401854866

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	59,492,499
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	7,871,516
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	7,871,516
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**67,364,015**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	**67,364,015**
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	**67,364,015**
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0

Page 1

3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	**67,364,015**
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	**67,364,015**
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%*	*C7*	**67,364,015**
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	11,451,883
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	11,451,883
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ và Lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	11,451,883
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	11,451,883
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	**Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh**		**0**
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	**Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS**		**0**
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	11,451,883
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-**	**I**	11,451,883
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	11,451,883
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất	E1	11,451,883	11,451,883	0	0	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động	E2	0					0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHCN	E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 -	0	0	0	0	0	
		Tổng cộng		**11,451,883**	**0**	**0**	**0**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Người ký: NGÔ THANH BÌNH

Ngày ký: 31/12/2025

Hình 51: Tờ khai thuế TNDN năm 2025

B3, Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Tại vì sai sót ở chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 10,997,006 tính lại kết quả là 11,451,883 nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp không phải là 48,515,493 mà kết quả là 48,040,616.

Đây là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi sửa lại:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3,884,217,285.00	3,159,525,048.00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	253,141,233.00	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3,631,076,052.00	3,159,525,048.00
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2,860,415,625.16	2,364,992,528.00
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		770,660,426.84	794,532,520.00
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	82,637.00	93,323.00
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	703,379,049.00	714,236,702.00
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		67,364,015.00	80,389,141.00
10. Thu nhập khác	31	VI.7		962.00
11. Chi phí khác	32	VI.8	7,871,516.00	6,831,941.00
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7,871,516.00)	(6,830,979.00)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59,492,499.00	73,558,162.00
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9	11,451,883.00	15,033,632.00
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		48,040,616.00	58,524,530.00

Page 1

Hình 52: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông qua công tác kế toán, doanh nghiệp có thể phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí và xác định chính xác kết quả hoạt động trong từng kỳ kế toán.

Thời gian thực tập và nghiên cứu tại Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Vidacom có thể thấy rằng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã được tổ chức tương đối hợp lý và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, hệ thống chứng từ và sổ sách được thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định hiện hành

Hành trình hoàn thành khóa luận này lưu dấu những tình cảm và sự biết ơn sâu sắc của em. Em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban Giám đốc cùng các anh chị trong phòng Kế toán của Công ty Vidacom, những người đã luôn tận tình chỉ bảo, chia sẻ kinh nghiệm và tạo điều kiện tốt nhất cho em trong suốt thời gian qua. Đồng thời, em xin bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đến Cô Ths. Lê Thị Cẩm Giang người đã luôn nghiêm khắc, tận tâm định hướng để em hoàn thiện đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

2. Bộ tài chính (2016), *Thông tư 133/2016/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016

3. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ VIDACOM

4. Các tài liệu khác trên Internet

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày ..... tháng …… năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Đinh Thị Thùy Linh, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- X **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:**
  .....
  .....
  .....

- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):
  .....
  .....
  .....
  .....

- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**
  .....
  .....

.....

.....

- **Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
    - ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 05 tháng *(month)* 09 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1C22TVD**
Số *(No.):*

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM**
Mã số thuế *(Tax code):* **0401854866**
Địa chỉ *(Address):* **479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.**
Điện thoại *(Phone number):* **0905 774 446**
Số tài khoản *(Account No.):* **0041000313187** **Tại TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*
Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HẢI
Mã số thuế *(Tax code):* 0402158251
Địa chỉ *(Address):* Số 67 đường Bát Nàn Công Chúa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Số tài khoản** *(Account No.):*
Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ Công trình Trường THPT Quế Sơn- huyện Quế Sơn- Quảng Nam theo hợp đồng số 1108/2023/HĐTC/HH-VDC ký ngày 11/8/2023 và Hồ sơ quyết toán ngày 29/8/2024				150.447.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	150.447.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* **8%**				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	12.035.760
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	162.482.760

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Signature valid
Ký bởi
Ký ngày 05/09/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search, Mã số bí mật: , Mã của cơ quan thuế:

Phụ lục 01: Hóa đơn GTGT gốc trước khi phát sinh trả lại hàng bán trang 51

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
479 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải , Thành phố Đà Nẵng,
Việt Nam

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Đại diện bên nhận (Bên A): CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH CÔNG QUỐC HƯƠNG
Ông (Bà): Chức vụ:
Đại diện bên giao (Bên B): CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIDACOM
Ông (Bà): Chức vụ:
Ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại
Bên B đã bàn giao cho bên A:

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Số Serial	Thời hạn bảo hành
1	CISCO C1300	THIẾT BỊ CHUYỂN MẠCH CISCO CATALYST 1300 48-PORT GE, FULL POE, 4x1G_C1300-48FP-4G	Cái	2,0		

Hóa đơn tài chính số: 24
Bảo hành: theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất và Phiếu bảo hành số:
Xin Quý khách vui lòng xem kỹ điều kiện bảo hành trong Phiếu bảo hành kèm theo.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, họ tên)

Phụ lục 02: Biên bản bàn giao